



**TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ
THU VIỆN QUÂN ĐỘI**

- 0820 -



THƯ MỤC

THÔNG BÁO TÀI LIỆU MỚI

SỐ $\frac{2}{2021}$

Chỉ đạo nội dung:
Thượng tá, Thạc sỹ Mạc Thùy Dương

Biên tập:
Trung tá, Thạc sỹ Trần Nữ Quế Phương

Thực hiện:
Thượng úy QNCN, Cử nhân Bùi Khắc Phúc

Thiết kế bìa:
Thiếu tá QNCN, Kỹ sư Trần Mạnh Hà

Lời giới thiệu

Nhằm giúp bạn đọc nắm được nguồn tài liệu mới nhập về Thư viện Quân đội, chúng tôi biên soạn và cấp phát đến các thư viện trong toàn quân “**Thư mục thông báo tài liệu mới**” số 2 - 2021.

Thư mục TBTLM gồm 2 phần:

- Phần I: Danh mục tài liệu mới: Giới thiệu sách quốc văn, ngoại văn và tư liệu mới nhập về Thư viện Quân đội.

- Phần II: Điểm sách.

Tài liệu trong Thư mục được sắp xếp theo nội dung và ngôn ngữ.

Thư viện Quân đội rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các đồng nghiệp và bạn đọc.

Mọi ý kiến xin gửi về:

PHÒNG THÔNG TIN - THƯ MỤC - MÁY TÍNH

THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI

83 Lý Nam Đế - Hà Nội

Điện thoại: 069.554556

Email: Thuvienquandoi@mail.bqp

Thuvienquandoi@gmail.com (Internet)

THÔNG BÁO TÀI LIỆU MỚI số 2/2021 giới thiệu 399 tài liệu, bằng ngôn ngữ tiếng Việt, Anh và Nga trong đó có 320 tài liệu tiếng Việt, 32 tài liệu tiếng Anh và 25 tài liệu tiếng Nga được phân chia theo các nhóm ngành như sau:

- Tổng quát: 11 tài liệu
- Triết học và tâm lý học: 04 tài liệu
- Tôn giáo: 02 tài liệu
- Khoa học xã hội: 199 tài liệu
- Ngôn ngữ: 02 tài liệu
- Khoa học tự nhiên và toán học: 03 tài liệu
- Công nghệ: 15 tài liệu
- Nghệ thuật và giải trí: 02 tài liệu
- Văn học: 108 tài liệu
- Lịch sử và địa lý: 53 tài liệu

PHẦN I: DANH MỤC TÀI LIỆU MỚI

000 - TỔNG QUÁT

001. *Biên mục mô tả trong nghiệp vụ thư viện/ Lê Ngọc Oánh, Nguyễn Thị Trúc Hà.* - H.: Thông tin và truyền thông, 2019. - 403tr.; 24cm.

**025.32 B305M/M.175812 - M.175813; MP.0035956 - MP.0035957;
VV.0017716 - VV.0017717**

002. *Các vụ xâm phạm an ninh thông tin nổi tiếng trên thế giới.* Sách tham khảo/ *Nguyễn Trường Thọ.* - H.: Công an nhân dân, 2020. - 256tr.; 21cm.

005.8 C101V/M.175537 - M.175538; VN.0081204 - VN.0081205

003. *Giáo trình lập trình hướng đối tượng:* Dành cho sinh viên ngành công nghệ thông tin/ *Trương Quốc Bảo chủ biên; Biên soạn: Trần Thị Thúy, Trần Lam Quyên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 219tr.; 21cm.

005.117 Gi-108T/M.175596 - M.175597; MP.0035784 - MP.0035785

004. *Giáo trình lập trình Java:* Dành cho sinh viên ngành công nghệ thông tin/ *Đồng chủ biên: Trần Anh Tuấn, Nguyễn Hữu Thế, Nguyễn Thị Hồng Nhung.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 295tr.; 21cm.

005.1330711 Gi-108T/M.175556 - M.175557; MP.0035750 - MP.0035751

005. *Librarianship - Nghề thư viện:* Sách song ngữ/ *Catherine Poppino; Nguyễn Minh Hiệp dịch.* - H.: Thông tin và truyền thông, 2020. - 242tr.; 24cm.

**025.3 L301N/M.175817 - M.175818; MP.0035958 - MP.0035959;
VV.0017724 - VV.0017725**

006. *Cyber attacks and inter national law on the use of force:* The turn to information ethics/ *Samuli Haataja.* - New York: Routledge, 2019. - 218p.; 24cm.

005.8 C600A/AV.0012486

070 – Phương tiện truyền thông tư liệu, phương tiện truyền thông giáo dục, phương tiện truyền thông tin tức; nghề làm báo; xuất bản

007. *Báo chí, truyền thông Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn/ Nguyễn Thế Kỷ.* - H.: Thông tin và truyền thông, 2020. - 506tr.; 24cm.

**070.109597 B108C/M.175592 - M.175593; MP.0035960 - MP.0035961;
VV.0017726 - VV.0017727**

008. *Đừng tự sụp đổ dưới chân mình:* Tiểu phẩm báo chí về đạo đức công vụ/ *Nguyễn Văn Hải.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 203tr.; 21cm.

**070.449172 Đ556T/LC.0015184 - LC.0015185; M.176186 - M.176187;
MP.0036226 - MP.0036227**

009. *Góp phần xây dựng đạo đức, văn hóa trong Đảng*: Tuyển tập chuyên luận báo chí về xây dựng, chỉnh đốn Đảng/ *Nguyễn Văn Hải*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 283tr.; 21cm. - (Sách kỷ niệm 90 năm ngày thành lập đảng cộng sản Việt Nam (3.2.1930 - 3.2.2020))

070.449324597075 G434P/M.175562 - M.175563; MP.0035756;
VN.0081238 - VN.0081239

010. *Lòng dân như sóng*: Chính luận/ *Khúc Hồng Thiện*. - H.: Thanh niên, 2020. - 225tr.; 21cm.

070.4 L431D/M.175666 - M.175667; MP.0035845; VN.0081298 -
VN.0081299

011. *Tuyên truyền hình ảnh Việt Nam ra thế giới qua báo chí đối ngoại*/ *Lưu Trần Toàn*. - H.: Thông tin và truyền thông, 2019. - 196tr.; 21cm.

070.449 T527T/M.175784 - M.175785; MP.0035933 - MP.0035934;
VN.0081380 - VN.0081381

100 - TRIẾT HỌC VÀ TÂM LÝ HỌC

012. *Hàn Phi Tử/ Hàn Phi; Phan Ngọc dịch*. - Đà Nẵng: Nxb.Đà Nẵng, 2020. - 430tr.; 24cm.

181.11 H105P/M.175745 - M.175746; MP.0035900 - MP.0035901;
VV.0017689 - VV.0017690

013. *Tư tưởng về con người trong lịch sử triết học phương Tây trước Mác/ Trần Sỹ Dương chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 218tr.; 21cm.

190 T550T/M.176093 - M.176094; MP.0036163; VN.0081469 -
VN.0081470

014. *Xây dựng Đảng về đạo đức*: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Văn Tuấn chủ biên*. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 419tr.; 27cm.

172 X126D/M.176285 - M.176286; VV.0017904 - VV.0017905

015. *Võ sĩ đạo - Linh hồn Nhật Bản/ Inazo Nitobe; Nguyễn Hải Hoàn dịch*. - H.: Dân trí, 2020. - 253tr.; 21cm.

174.97968150952 V400S/M.176166 - M.176167; MP.0036210 -
MP.0036211

200 - TÔN GIÁO

016. *Công giáo và công giáo ở Việt Nam*: Tri thức cơ bản/ *Nguyễn Hồng Dương*. - H.: Công an nhân dân, 2019. - 431tr.; 21cm.

282.597 C455G/M.175527 - M.175528; VN.0081194 - VN.0081195

017. Tác động của đa dạng tôn giáo, tộc người ở Đông Nam Á đối với cộng đồng văn hóa - xã hội ASEAN: Sách chuyên khảo/ *Dương Văn Huy chủ biên.* - H.: Khoa học xã hội, 2020. - 302tr.; 21cm.

201.70959 T101Đ/M.175741 - M.175742; MP.0035898; VN.0081350 - VN.0081351

300 - KHOA HỌC XÃ HỘI

018. Các dân tộc ở Việt Nam/ Vương Xuân Tình chủ biên. - Xuất bản lần 2 có chỉnh sửa bổ sung. - H.: Chính trị quốc gia, 2020; 24cm.

T.1: Nhóm ngôn ngữ Việt - Mường. - 767tr.

305.8009597 C101D/M.176036 - M.176037; VV.0017834 - VV.0017835

T.2 : Nhóm ngôn ngữ Tày - Thái Kadai. - 903tr.

305.8009597 C101D/M.176034 - M.176035; VV.0017832 - VV.0017833

T.3, Q.1: Nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me. - 690tr.

305.8009597 C101D/M.176032 - M.176033; VV.0017830 - VV.0017831

T.3, Q.2: Nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me. - 763tr.

305.8009597 C101D/M.176030 - M.176031; VV.0017828 - VV.0017829

T.4, Q.1: Nhóm ngôn ngữ Hmông - Dao và Tạng - Miến. - 907tr.

305.8009597 C101D/M.176028 - M.176029; VV.0017826 - VV.0017827

T.4, Q.2: Nhóm ngôn ngữ Hán và Mã Lai - Đa Đảo. - 963tr.

305.800957 C101D/M.176026 - M.176027; VV.0017824 - VV.0017825

019. Đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng người Việt ở Đông Bắc Thái Lan/ Nguyễn Hồng Quang. - H.: Công an nhân dân, 2019. - 223tr.; 21cm.

305.895220593 Đ462S/M.175531 - M.175532; VN.0081198 - VN.0081199

020. Hạnh phúc gia đình - Những điều cần biết: Hôn nhân với cuộc sống gia đình/ *Biên soạn: Lê Thị Hiền, Nguyễn Thanh Xuân, Phạm Danh Tiên.* - H.: Văn hóa dân tộc, 2020. - 115tr.; 20cm.

306.872 H107P/M.176020 - M.176021; MP.0036108 - MP.0036109

021. Không gian tinh thần: Đối thoại/ *Nguyễn Trần Bạt.* - H.: Hội nhà văn, 2019. - 399tr.; 24cm.

303.409597 Kh455G/M.176150 - M.176151; MP.0036199 - MP.0036200; VV.0017882 - VV.0017883

022. Kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo/ Trần Giang Sơn dịch. - H.: Hồng Đức, 2019. - 279tr.; 21cm.

303.4834 K600N/M.176014 - M.176015; MP.0036104 - MP.0036105

023. *Nam nữ bình quyền/ Đặng Văn Bảy.* - H.: Phụ nữ, 2020. - 292tr.; 21cm.. - (Phụ nữ từng thư - Tủ sách giới và Phát triển)

305.4209597 N104N/M.175865 - M.175866; MP.0035968; VN.0081402 - VN.0081403

024. *Xây dựng con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước:* Sách chuyên khảo/ *Trần Mai Linh.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 188tr.; 21cm.

301.09597 X126D/M.176206 - M.176207; MP.0036240; VN.0081535 - VN.0081536

025. *Vấn đề phụ nữ ở nước ta/ Phan Bội Châu.* - H.: Phụ nữ, 2018. - 743tr.; 21cm.. - (Phụ nữ từng thư - Tủ sách Giới và Phát triển)

305.409597 V121Đ/M.175853 - M.175854; MP.0035972 - MP.0035973; VN.0081398 - VN.0081399

026. *Cultural forms of protest in Russia.* - New York: Routledge, 2018. - 248p.; 24cm.

303.61 C510F/AV.0012494

027. *33 стратегии войны/ Р. Грин.* - М.: РИПОЛ классик, 2019. - 894с.; 21cm.. - (Стратегии успеха)

303.66 B100M/XN.27129

320 - Khoa học chính trị

028. *Chủ quyền biển đảo Việt Na - Minh chứng lịch sử và cơ sở pháp lý/ Đỗ Bang chủ biên.* - H.: Tri thức, 2020. - 414tr.; 24cm.

320.1509597 Ch500Q/M.175999 - M.176000; VV.0017820 - VV.0017821

029. *Những điều cần biết về hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam/ Lê Thái Dũng biên soạn.* - H.: Hồng Đức, 2020. - 187tr.; 21cm.

320.1209597 Nh556Đ/M.175640 - M.175641; MP.0035825; VN.0081286 - VN.0081287

030. *Phân cực chính trị ở Mỹ hiện nay: Tình hình, nguyên nhân và tác động:* Sách chuyên khảo/ *Lê Thị Thu chủ biên.* - H.: Khoa học xã hội, 2020. - 399tr.; 21cm.

320.973 Ph121C/M.175733 - M.175734; MP.0035893; VN.0081342 - VN.0081343

031. *Triết lý trị quốc của nho giáo với việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay:* Sách chuyên khảo/ *Bùi Quốc Hưng, Phan Mạnh Toàn.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 179tr.; 21cm.

320.109597 Tr308L/LC.0015209 - LC.0015210; M.176184 - M.176185; MP.0036225; VN.0081521 - VN.0081522

032. *Tư tưởng của V.I. Lênin về bảo vệ lợi ích quốc gia và định hướng vận dụng ở*

nước ta hiện nay: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Duy Tiên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 219tr.; 21cm.

320.532309597 T550T/M.176244 - M.176245; MP.0036274; VN.0081556 - VN.0081557

033. *Affective politics of the global event:* Trauma and the resilient market subject/ *James Brassett*. - New York: Routledge, 2018. - 175p.; 24cm.

320 A102P/AV.0012487

034. *Politics in Russia*/ *Thomas F. Remington*. - 7th Edition. - New York: Routledge, 2017. - 274p.; 24cm.

320.947 P428I/AV.0012488

035. *Странная смерть марксизма*/ Пол Готфрая; пер. с англ.: Б. Пинскера. - М.: ИРИСЭН, 2019. - 247с.; 20cm.

320 C000т/XN.27115

036. *Сущность и формы перехода государственной власти в истории общества:* Легитимная смена власти, государственные перевороты, революции, гражданские войны/ *Т.Н. Семенова*. - М.: URSS, 2018. - 193с.; 21cm.

320 C000у/XN.27113

037. *Современная модель государственной власти в российской федерации. Вопросы совершенствования и перспективы развития:* Монография/ *Поб: А.Т. Карасева*. - М.: Проспект, 2019. - 190с.; 22cm.

Cuốn chuyên khảo nói về việc thực hiện quyền lực nhà nước ở Liên bang Nga

320.0947 C000o/XN.27111

038. *Рождение неолиберальной политики:* От Хайека и Фрийдмана до Рейгана и Тэтчер/ *Дэниел Стедмен-Джоунз*. - М.: Социум, 2019. - 521с.; 21cm.

320 P000o/XN.27127

324 – Quá trình chính trị

039. *Đảng Cộng sản Việt Nam 90 năm (1930 - 2020) - Những chặng đường lịch sử vẻ vang*/ Vũ Như Khôi chủ biên, Nguyễn Văn Trường, Đặng Kim Anh. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 522tr.; 27cm.

324.2597075 Đ106C/M.175511 - M.175512; V.0017633 - V.0017634

040. *Đấu tranh phản bác các quan điểm phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam*/ Nguyễn Văn Quang chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 219tr.; 21cm.. - (Sách kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam (3.2.1930 - 3.2.2020))

324.2597075 Đ125T/M.175564 - M.175565; MP.0035757; VN.0081240 - VN.0081241

- 041. *Lịch sử Đảng bộ Bộ Tham mưu Quân khu 1 (1945 - 2020)*/ Nguyễn Văn Phụng chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 527tr.; 24cm.. - (Lưu hành nội bộ)**
324.2597075 L302S/MP.0036152 - MP.0036153; VV.0017842 - VV.0017843
- 042. *Lịch sử Đảng bộ Quận Tân Bình (2005 - 2015)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 262tr.; 21cm.**
324.2597075 L302S/MP.0036160 - MP.0036161; VN.0081465 - VN.0081466
- 043. *Lịch sử đảng bộ Trường Trung cấp Kỹ thuật miền Trung (1979 - 2019)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 386tr.; 21cm.**
324.2597075 L302S/LC.0015239 - LC.0015240; MP.0035744 - MP.0035745; VN.0081226 - VN.0081227
- 044. *Lịch sử truyền thống Đảng bộ và nhân dân phường Tân Phong (1930 - 2020)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 239tr.; 21cm.**
324.2597075 L302S/LC.0015068 - LC.0015069; MP.0035748 - MP.0035749; VN.0081230 - VN.0081231
- 046. *Những nội dung cốt lõi trong dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng: Tài liệu phục vụ cán bộ, đảng viên nghiên cứu, thảo luận, góp ý kiến*. - Tái bản. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 326tr.; 21cm.**
324.2597075 Nh556N/M.176046 - M.176047; MP.0036120 - MP.0036121; VN.0081431 - VN.0081432
- 047. *Tài liệu giữ vững trận địa tư tưởng của Đảng trong quân đội, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới*/ Nguyễn Văn Đức chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 542tr.; 21cm.**
324.2597075 T103L/M.176115 - M.176116; MP.0036189; VN.0081493 - VN.0081494
- 048. *Tài liệu hướng dẫn tiến hành đại hội Đảng các cấp trong Đảng bộ Quân đội tiến tới đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 300tr.; 21cm.**
324.2597075 T103L/MP.0035752 - MP.0035753; VN.0081232 - VN.0081233
- 049. *Tìm hiểu về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*/ Vũ Ngọc Lương chủ biên. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 239tr.; 27cm.**
324.259707509 T310H/M.176283 - M.176284; VV.0017902 - VV.0017903
- 050. *Tổng kết công tác đảng, công tác chính trị trong thực hiện nhiệm vụ quốc tế của quân đội nhân dân Việt Nam (1949 - 2014)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 843tr.; 21cm.**

324.2597075 T455K/MP.0035770 - MP.0035771; VN.0081252 - VN.0081253

051. Tổng kết công tác đảng, công tác chính trị trong thực hiện nhiệm vụ quốc tế của Tổng cục Công nghiệp quốc phòng (1949 - 2014). - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 299tr.; 21cm.

324.2597075 T455K/LC.0015089 - LC.0015090; MP.0035686 - MP.0035687; VN.0081262 - VN.0081263

052. Tổng kết công tác đảng, công tác chính trị trong thực hiện nhiệm vụ quốc tế của Tổng cục Kỹ thuật (1974 - 2014)/ Trần Huy Soan chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 395tr.; 21cm.

324.2597075 T455K/MP.0036181 - MP.0036182; VN.0081485 - VN.0081486

053. Vận động quốc tế chống đế quốc Mỹ xâm lược Việt Nam (1954 - 1975): Sách chuyên khảo/ *Trần Thị Ngọc Thúy.* - H.: Công an nhân dân, 2019. - 239tr.; 21cm.

324.2597075 V121Đ/M.175541 - M.175542; VN.0081208 - VN.0081209

054. Xây dựng Đảng về đạo đức - Những vấn đề lý luận và thực tiễn: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Hùng Oanh chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 215tr.; 21cm.

324.2597075 X126Đ/M.176109 - M.176110; MP.0036175; VN.0081477 - VN.0081478

055. Fundamentals of the Chinese communist party/ Pierre M. Perrolle. - New York: Routledge, 2018. - 205p.; 24cm.

324.251075 F512O/AV.0012492

327 – Quan hệ quốc tế

056. Biển đông - Luận bàn của các học giả trên thế giới. - H.: Thông tin và truyền thông, 2020. - 500tr.; 21cm.

327.0916472 B305Đ/M.175798 - M.175799; MP.0035945 - MP.0035946; VN.0081388 - VN.0081389

057. Chính sách Biển Đông của Hoa Kỳ trong bối cảnh mới: Sách chuyên khảo/ *Phạm Cao Cường chủ biên.* - H.: Khoa học xã hội, 2019. - 374tr.; 21cm.

327.10973 Ch312S/M.175705 - M.175706; MP.0035874; VN.0081320 - VN.0081321

058. Chính sách đối ngoại của Iran giai đoạn 2005 - 2019: Sách chuyên khảo/ *Đồng chủ biên: Nguyễn Xuân Trung, Nguyễn Lê Thy Thương.* - H.: Khoa học xã hội, 2020. - 386tr.; 21cm.

327.55 Ch312S/M.175699 - M.175700; MP.0035870; VN.0081316 - VN.0081317

059. Chính sách đối ngoại Mỹ: Tiếp cận từ thuyết hiện thực mới và trường hợp Việt Nam sau khi bình thường hóa quan hệ đến nay: Sách chuyên khảo/ Lê Đình Tĩnh. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 353tr.; 21cm.

327.730597 Ch312S/M.176048 - M.176049; MP.0036122 - MP.0036123; VN.0081433 - VN.0081434

060. Cuộc chiến của tôi với CIA: Hồi ký của hoàng thân Norodom Sihanoul/ Wilfred Burchett; Ng.dịch: Thanh Nga, Như Quỳnh. - H.: Công an nhân dân, 2019. - 392tr.; 21cm.

327.12730596 C514C/M.175523 - M.175524; MP.0035702 - MP.0035703; VN.0081190 - VN.0081191

061. Đàm phán ngoại giao - Những vấn đề cơ bản: Sách chuyên khảo/ Tôn Sinh Thành. - H.: Thế giới, 2019. - 118tr.; 21cm.

327.2 Đ104P/M.175695 - M.175696; MP.0035868; VN.0081312 - VN.0081313

062. Điều chỉnh chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời thủ tướng N.Modi/ Ngô Xuân Bình chủ biên. - H.: Khoa học xã hội, 2020. - 410tr.; 21cm.

327.54 Đ309C/M.175735 - M.175736; MP.0035894; VN.0081344 - VN.0081345

063. Giáo trình phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế: Dành cho hệ đại học và sau đại học/ Vũ Dương Huân. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 347tr.; 21cm.

327.0721 Gi-108T/M.176044 - M.176045; MP.0036118 - MP.0036119; VN.0081429 - VN.0081430

064. Một góc nhìn thời cuộc/ Nguyễn Văn Hưởng. - H.: Công an nhân dân, 2019. - 423tr.; 24cm.

327 M458G/M.175519 - M.175520; V.0017639 - V.0017640

065. Ngoại giao giữa Việt Nam và các nước phương Tây dưới triều Nguyễn (1802 - 1858)/ Trần Nam Tiến. - H.: Khoa học xã hội, 2020. - 258tr.; 20cm.

327.59704 Ng404G/M.175717 - M.175718; MP.0035882; VN.0081332 - VN.0081333

066. Rừng sư tử: Biên khảo về cuộc chiến đẫm máu giữa các cường quốc/ Yên Ba. - Tái bản lần 2. - H.: Công an nhân dân, 2019. - 865tr.; 24cm.

327.12 R116S/M.175513 - M.175514; V.0017635 - V.0017636

067. Về Trung Quốc: Ghi chép/ Henry Kissinger; Thủy Tiên dịch. - H.: Hội nhà văn, 2020. - 690tr.; 24cm.

327.51 V250T/M.176146 - M.176147; VV.0017878 - VV.0017879

068. Việt Nam - Campuchia: Hợp tác hữu nghị và phát triển/ Nguyễn Thành Văn chủ biên. - H.: Thông tin và truyền thông, 2020. - 298tr.; 21cm.

327.5970596 V308N/M.175634 - M.175635; MP.0035822; VN.0081280 - VN.0081281

069. *Việt Nam trước tác động của cấu trúc an ninh tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương/ Đỗ Lê Chi.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 226tr.; 24cm.

**327.5 V308N/M.175774 - M.175775; MP.0035924 - MP.0035925;
VV.0017705 - VV.0017706**

070. *Deterring Russia in Europe: Defence strategies for neighbouring states/ Nora Vanaga, Toms Rostoks.* - New York: Routledge, 2019. - 290p.; 24cm.

327.4704 D207R/AV.0012493

071. *Geopolitics, geography and strategic history/ Gepffrey Sloan.* - New York: Routledge, 2017. - 251p.; 24cm.

327.1 G205G/AV.0012482

072. *Global politics: A new introduction/ Jenny Edkins, Maja Zehfuss.* - 3rd Edition. - New York: Routledge, 2019. - 613p.; 25cm.

327.1 GI418P/AV.0012496

073. *Power transition in Asia/ David Walton, Emilian Kavalski.* - New York: Routledge, 2017. - 225p.; 24cm.

327.73051 P435T/AV.0012491

074. *Russia and the idea of Europe: A study in identity and international relations/ Iver B. Neumann.* - 2nd Edition. - New York: Routledge, 2017. - 214p.; 24cm.

327.4704 R521A/AV.0012490

075. *Russian foreign policy beyond Putin/ Eugene B. Rumer.* - New York: Routledge, 2017. - 100p.; 23cm.

327.47 R521F/AV.0012501

076. *Security, defense discourse and identity in NATO and Europe: How France changed foreign policy/ Falk Ostermann.* - New York: Routledge, 2019. - 202p.; 24cm.

327.44073 S201D/AV.0012485

077. *Sino-Japanese relations: China's perspective/ Laura Newby.* - New York: Routledge, 2018. - 96p.; 24cm.

327.51052 S312J/AV.0012484

078. *The EU and Russia in their "Contested neighbourhood": Multiple external influences, policy transfer and domestic change/ Laure Delcour.* - New York: Routledge, 2017. - 169p.; 24cm.

327 Th200E/AV.0012481

079. *The making of China's foreign policy in the 21st century: Historical sources,*

institutions/players and perceptions of power relations/ *Suisheng Zhao*. - New York: Routledge, 2016. - 320p.; 25cm.

327.151 Th200M/AV.0012498

080. *Ukraine in crisis*/ Nicolai N. Petro. - New York: Routledge, 2017. - 123p.; 25cm.

327.47 U510I/AV.0012499

081. *Украина и соседи*: Историческая политика 1987-2018/ *Георгий Касьянов*. - М.: Новое литературное обозрение, 2019. - 626с.; 22cm.

327.47 Y000к/XN.27126

082. *Россия и запад на качелях истории*: От ельцина до путина/ *Петр Романов*. - М., 2019. - 478с.; 21cm.

327.47 P000o/XN.27124

083. *Путин - Трамп. О чем не знают в госдепартаменте?*/ *Игорь Прокопенко*. - М.: Эксмо, 2019. - 254с.; 21cm.

327.47073 П000у/XN.27125

084. *Проблема территорий в условиях принудительных переселений XX века*: Теория, практика/ *Н. Ф. Бугай*. - М.: Наука, 2018. - 470с.; 22cm.

327 П000р/XN.27110

085. *Туман гибридной войны неопределенности и риски конфликтов XXI века*/ *А.А. Бартош*. - М.: Горячая линия - Телеком, 2019. - 322с.; 21cm.

327 T000у/XN.27128

086. *Украина и Россия во второй половине XVII века: политика, дипломатия, культура. Очерки*/ *К.А. Кочегаров*. - М.: Квадрига, 2019. - 422с.; 22cm.

327.47 E000k/XN.27118

330 – Kinh tế học

087. *Điều lệ Công đoàn Việt Nam*: Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ XII thông qua ngày 24 tháng 9 năm 2018. - H.: Lao động, 2020. - 80tr.; 14cm.

331.87109597 Đ309L/VN.0081377

088. *Hướng dẫn thi hành điều lệ công đoàn Việt Nam*. - H.: Lao động, 2020. - 96tr.; 19cm.

331.87109597 H561D/VN.0081376

089. *Kinh tế trong cuộc cách mạng công nghệ 4.0*: Cuốn sách tài chính dành cho các nhà đầu tư/ *Saifedean Ammous*; *Đỗ Hoàng Lan dịch*. - H.: Đại học kinh tế quốc dân, 2019. - 551tr.; 21cm.

332.178 K312T/M.175697 - M.175698; MP.0035869; VN.0081314 - VN.0081315

090. *Phát triển nguồn nhân lực báo chí Quân đội thời kỳ mới*: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Xuân Thủy chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 219tr.; 21cm.

**331.1191355005 Ph110T/M.176070 - M.176071; MP.0036141;
VN.0081445 - VN.0081446**

091. *Sự giàu và nghèo của các dân tộc*/ David S. Landes; Ng.dịch: Vũ Hoàng Linh, Sơn Phạm. - H.: Tri thức, 2020. - 886tr.; 24cm.

330.16 S550G/VV.0017872 - VV.0017873

092. *Warren Buffett - Nhà đầu tư vĩ đại nhất thế giới dưới góc nhìn truyền thông*/ Carol J. Looms; Kim Phúc dịch. - H.: Lao động, 2017. - 586tr.; 24cm.

332.6092 W109B/M.176124; VV.0017860 - VV.0017861

093. *Connecting Taiwan: Participation - Intergration - Impacts*/ Carsten Storm. - New York: Routledge, 2018. - 227p.; 24cm.

330.51249 C431T/AV.0012495

335 – Chủ nghĩa xã hội

094. *"Sửa đổi lỗi làm việc" trong công cuộc đổi mới hôm nay*/ Đỗ Hoàng Linh chủ biên; Biên soạn: Vũ Thị Kim Yến, Nguyễn Văn Dương. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 280tr.; 21cm.. - (130 năm kỷ niệm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2020))

**335.4346 S551Đ/M.175760 - M.175761; MP.0035910 - MP.0035911;
VN.0081356 - VN.0081357**

095. *Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh: Đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh*/ Cát Anh chủ biên. - H.: Thanh niên, 2020. - 179tr.; 21cm.

**335.4346 Đ126M/M.175646 - M.175647; MP.0035828; VN.0081292 -
VN.0081293**

096. *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh về quân sự*: Dành cho đào tạo cán bộ chính trị cấp phân đội, trình độ đại học. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 131tr.; 27cm.

Vũ Đình Đắc chủ biên

**335.43460711 Gi-108T/LCV.0002300 - LCV.0002301; M.175630 -
M.175631; MP.0035816; VV.0017675 - VV.0017676**

097. *Học tấm gương làm việc và học tập suốt đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh*/ Lê Văn Yến. - H.: Thông tin và truyền thông, 2019. - 198tr.; 21cm.

**335.4346 H419T/M.175636 - M.175637; MP.0035823; VN.0081282 -
VN.0081283**

098. *Hồ Chí Minh - Một cốt cách văn hóa Việt Nam*/ Lê Đình Cúc. - H.: Thông tin và truyền thông, 2020. - 149tr.; cm.

- 335.4346 H450C/M.175632 - M.175633; MP.0035821; VN.0081278 - VN.0081279**
- 099. Hồ Chí Minh - Tư duy kinh tế/ Cao Ngọc Thắng. - H.: Dân trí, 2020. - 211tr.; 21cm.**
335.4346 C108N/M.175638 - M.175639; MP.0035824; VN.0081284 - VN.0081285
- 100. Một số vấn đề về xây dựng Đảng theo tư tưởng Hồ Chí Minh/ Mạch Quang Thắng. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 351tr.; 21cm.. - (130 năm kỷ niệm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2020))**
335.4346 M458S/M.175768 - M.175769; MP.0035918 - MP.0035919; VN.0081364 - VN.0081365
- 101. Những nội dung, phương pháp cơ bản học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh/ Trần Quang Nhiếp. - Tái bản lần 1. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 191tr.; 21cm.**
335.4346 Nh556N/M.176361 - M.176362; MP.0036388 - MP.0036389; VN.0081588 - VN.0081589
- 102. Nửa thế kỷ văn thơ Hồ Chí Minh: Từ yêu sách của nhân dân An Nam đến di chúc Bác Hồ/ Phong Lê. - H.: Thông tin và truyền thông, 2019. - 496tr.; 24cm.**
335.4346 N551T/M.175810 - M.175811; MP.0035954 - MP.0035955; VV.0017714 - VV.0017715
- 103. Tấm gương Bác - Ngọc quý của mọi nhà/ Nguyễn Văn Khoan. - H.: Thông tin và truyền thông, 2019. - 499tr.; 21cm.**
335.4346 T120G/M.175800 - M.175801; MP.0035947; VN.0081390 - VN.0081391
- 104. Tư tưởng đại đoàn kết trong di chúc Bác Hồ/ Sưu tầm, tuyển chọn: Phan Thị Ánh Tuyết, Đặng Thị Mai Anh. - H.: Dân trí, 2020. - 195tr.; 19cm.. - (50 năm thực hiện di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (1969 - 2019))**
335.4346 T550T/M.175660 - M.175661; MP.0035832; VN.0081296 - VN.0081297
- 105. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế trong cách mạng giải phóng dân tộc/ Lê Văn Yên. - H.: Thông tin và truyền thông, 2019. - 446tr.; 21cm.**
335.4346 T550T/M.175794 - M.175795; MP.0035941 - MP.0035942; VN.0081386 - VN.0081387
- 106. Tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo công tác tư tưởng - Giá trị lý luận và thực tiễn/ Lê Quang Mạnh. - H.: Công an nhân dân, 2019. - 215tr.; 21cm.**
335.4346 T550T/M.175543 - M.175544; MP.0035712 - MP.0035713; VN.0081210 - VN.0081211

107. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người/ Lại Thị Thanh Bình. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 287tr.; 21cm.

335.4346 T550T/M.176050 - M.176051; MP.0036124 - MP.0036125; VN.0081435 - VN.0081436

108. Vang mãi lời Bác dặn/ Nguyễn Văn Khoan. - H.: Dân trí, 2020. - 199tr.; 19cm.. - (50 năm thực hiện di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (1969 - 2019))

335.4346 V106M/M.175650 - M.175651; MP.0035831; VN.0081294 - VN.0081295

338 – Sản xuất

109. Bill Gates - Tham vọng lớn lao và quá trình hình thành đế chế Microsoft/ James Wallace, Jim Erickson; Nguyễn Tố Nguyên dịch. - H.: Thế giới, 2019. - 415tr.; 24cm.. - (Những doanh nhân vĩ đại)

338.470053092 B309G/M.176119; VV.0017850 - VV.0017851

110. Các thành phần kinh tế Việt Nam: Vấn đề và định hướng chính sách: Sách tham khảo/ Trần Đình Thiên chủ biên. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 439tr.; 24cm.

338.9597 C101T/M.176040 - M.176041; MP.0036114 - MP.0036115; VV.0017838 - VV.0017839

111. Cường quốc trong tương lai - Vẽ lại bản đồ thế giới năm 2030/ Hamada Kazuyuki; Võ Vương Ngọc Chân dịch. - H.: Thế giới, 2020. - 277tr.; 21cm.

338.910910112 C561Q/M.176164 - M.176165; VN.0081509 - VN.0081510

112. Lợi thế đặc thù trong phát triển kinh tế Tây Nguyên: Sách chuyên khảo/ Bùi Nhật Quang, Trần Thị Lan Hương. - H.: Khoa học xã hội, 2020. - 383tr.; 21cm.

338.959776 L462T/M.175707 - M.175708; MP.0035875; VN.0081322 - VN.0081323

113. Lý Gia Thành - "Ông chủ của những ông chủ" trong giới kinh doanh Hồng Kông/ Anthony B. Chan; Nhóm BKD dịch. - Tái bản lần thứ 5. - H.: Lao động, 2018. - 321tr.; 21cm.

338.092 L600G/M.176132 - M.176133; VN.0081505 - VN.0081506

114. Phát triển công nghiệp công nghệ cao ở vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ: Sách chuyên khảo/ Lại Trần Tùng. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 219tr.; 21cm.

338.095973 Ph110T/M.176064 - M.176065; MP.0036136; VN.0081443 - VN.0081444

115. Tự truyện Richard Branson - Đường ra biển lớn: Tự truyện/ Richard Branson; Ng. dịch: Nghiêm Huyền, Chu Hồng Thắng. - Tái bản lần 3. - H.: Lao động, 2020. - 559tr.; 24cm.. - (Những doanh nhân vĩ đại)

338.04092 T550T/M.176123; VV.0017858 - VV.0017859

116. *Việt Nam thời chuyển đổi số/ Think Tank Vinasa.* - H.: Thế giới, 2019. - 517tr.; 24cm.

338.06409597 V308N/M.176137 - M.176138 - M.176139; VV.0017864 - VV.0017865

340 – Luật pháp

117. *Giáo trình nhập môn luật học/ Chủ biên: Viên Thế Giang, Bùi Hữu Toàn.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 428tr.; 21cm.

340.0711 Gi-108T/M.175778 - M.175779; MP.0035928 - MP.0035929; VN.0081372 - VN.0081373

118. *Hỏi - đáp quyền phụ nữ, quyền trẻ em theo công ước quốc tế và pháp luật Việt Nam/ Đỗ Xuân Lân.* - H.: Văn hóa dân tộc, 2020. - 115tr.; 20cm.

342.59708772 H000Đ/M.176022 - M.176023; MP.0036110 - MP.0036111

119. *Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc và vấn đề quyền con người trong hiến pháp năm 2013: Sách tham khảo/ Đào Đình Hiếu.* - H.: Công an nhân dân, 2020. - 327tr.; 21cm.

342.597085 T550T/M.175529 - M.175530; MP.0035706 - MP.0035707; VN.0081196 - VN.0081197

343 – *Luật quân sự, quốc phòng, tài sản công, tài chính công, thuế, thương mại, công nghiệp*

120. *Các văn bản quy định về chế độ tiền lương, phụ cấp, trợ cấp, tiền ăn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, ưu đãi người có công với cách mạng và các chế độ chi tiêu khác.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019; 27cm.

Q.15. - 452tr.

343.59701 C101V/MP.0035726 - MP.0035727; V.0017653 - V.0017654

Q.16. - 636tr.

343.59701 C101V/MP.0035728 - MP.0035729; V.0017655 - V.0017656

Q.17. - 402tr.

343.59701 C101V/MP.0035806 - MP.0035807; VV.0017669 - VV.0017670

121. *Chính sách, pháp luật về an ninh thông tin của các nước trên thế giới/ Nguyễn Quang Chiến chủ biên.* - H.: Công an nhân dân, 2020. - 264tr.; 21cm.

343.0999 Ch312S/M.175539 - M.175540; VN.0081206 - VN.0081207

122. *Luật dân quân tự vệ.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 68tr.; 19cm.

343.59701537 L504D/VN.0081539

123. Một số vấn đề cơ bản của luật an ninh mạng/ Chủ biên: Nguyễn Anh Tuấn, Trần Thị Lâm Thi. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 367tr.; 24cm.

343.597099 M458S/M.175521 - M.175522; V.0017641 - V.0017642

124. Федеральный закон "Об Оружии". - M.: Проспект, 2019. - 47с.; 20cm.

343.47/XN.27116

345 – Luật hình sự

125. Bình luận Bộ luật hình sự năm 2015: Bình luận chuyên sâu/ *Đinh Văn Quế.* - H.: Thông tin và truyền thông, 2019. - 467tr.; 24cm.

Ph.1: Các tội phạm. Chương XXI - Mục 1: Các tội phạm an toàn giao thông

345.59703 B312L/M.175814; VV.0017718 - VV.0017719

Ph.2: Các tội phạm. Chương XVI: Các tội xâm phạm sở hữu. Chương XVII: Các tội phạm chế độ hôn nhân và gia đình. - 451tr.

345.59703 B312L/M.175815; VV.0017720 - VV.0017721

Ph.2.: Chương XV: Các tội xâm phạm quyền tự do con người, quyền tự do dân chủ của công dân. Chương XXII: Các tội phạm về chức vụ. - 463tr.

345.59703 B312L/M.175816; VV.0017722 - VV.0017723

126. Bình luận Luật thi hành án hình sự năm 2019: Sách chuyên khảo/ *Đồng chủ biên: Lê Quý Vương, Nguyễn Văn Sơn, Nguyễn Công Hồng.* - H.: Lao động, 2020. - 899tr.; 27cm.

345.597052 B312L/M.176287 - M.176288; VV.0017906 - VV.0017907

127. Bộ luật tố tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 435tr.; 19cm.

345.597002632 B450L/M.176295 - M.176296; MP.0036328 - MP.0036329; VN.0081580 - VN.0081581

128. Điều ước quốc tế - Lý luận và thực tiễn áp dụng điều ước quốc tế về phòng, chống tội phạm tại Việt Nam: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Thị Quế Thu.* - H.: Công an nhân dân, 2018. - 207tr.; 21cm.

345.597030261 Đ309U/M.176289 - M.176290; MP.0036322 - MP.0036323; VN.0081574 - VN.0081575

129. Hỏi - đáp pháp luật về luật thi hành tạm giữ, tạm giam/ *Nghiêm Xuân Minh chủ biên, Nghiêm Đình Hưởng.* - H.: Công an nhân dân, 2020. - 303tr.; 21cm.

345.5970527 H428Đ/M.176297 - M.176298; MP.0036330 - MP.0036331; VN.0081582 - VN.0081583

130. Luật thi hành án hình sự năm 2019. - H.: Công an nhân dân, 2019. - 287tr.; 19cm.

345.597052 L504T/M.175545 - M.175546; VN.0081214 - VN.0081215

350 – Hành chính và quân sự

355 – Khoa học quân sự

131. *Bảo đảm hậu cần cho Quân đội nhân dân Việt Nam chiến đấu và chiến thắng.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 676tr.; 22cm.

355.41109597 B108Đ/LC.0015194 - LC.0015195; MP.0036187 - MP.0036188; VN.0081491 - VN.0081492

132. *Binh pháp tôn tử/ Nguyễn Huy Cốc chủ biên.* - H.: Lao động xã hội, 2015. - 340tr.; 19cm.

355.0092 B312P/M.176134 - M.176135 - M.176136; MP.0036197 - MP.0036198; VN.0081507 - VN.0081508

133. *"Bộ đội cụ Hồ" vì nước quên thân vì nhân dân phục vụ/ Nguyễn Bá Dương.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 278tr.; 21cm.

355.0330597 B450Đ/M.175568 - M.175569; MP.0035759; VN.0081244 - VN.0081245

134. *Cẩm nang công tác hội phụ nữ trong quân đội/ Phùng Thị Phú chủ biên.* - Tái bản bổ sung. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 198tr.; 21cm.

355.0082 C120N/MP.0035781 - MP.0035782; VN.0081368 - VN.0081369

135. *Chiến sĩ cần biết.* - Tái bản lần 3. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 223tr.; 12cm.

355.509597 Ch305S/MP.0036302 - MP.0036303; VN.0081566 - VN.0081567

136. *Cục hậu cần - Tổng cục Hậu cần: 40 năm xây dựng và trưởng thành (13.01.1979 - 13.01.2019).* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 204tr.; 25cm.

355.809597 C101V/MP.0035730 - MP.0035731; V.0017657 - V.0017658

137. *Cục Hậu cần Tổng cục Công nghiệp quốc phòng - 45 năm xây dựng và phát triển (1974 - 2019).* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 236tr.; 21cm.

355.009597 C506H/LC.0015237; MP.0035746 - MP.0035747; VN.0081228 - VN.0081229

138. *Dấu ấn nửa thế kỷ (1969 - 2019)/ Biên soạn: Trần Văn Thức, Vũ Xuân Đại, Bùi Xuân Long.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 222tr.; 21cm.

355.00711597 D125Â/LC.0015252; MP.0035742 - MP.0035743; VN.0081224 - VN.0081225

139. *Đại tướng Phùng Quang Thanh - Những khoảng khắc nhớ mãi/ Phùng Quang Thanh.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 296tr.; 25cm.

355.331092 Đ103T/M.176113 - M.176114; VV.0017844 - VV.0017845

140. Định hướng giá trị văn hóa của học viên đào tạo sĩ quan trong các trường Quân đội: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Vương Bình*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 183tr.; 21cm.

355.107119597 Đ312H/LC.0015117; M.175610 - M.175611; MP.0035792; VN.0081188 - VN.0081189

141. Đổi mới công tác giáo dục truyền thống cho hạ sĩ quan, binh sĩ ở đơn vị cơ sở các Binh đoàn chủ lực Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay: Sách chuyên khảo/ *Lê Tuấn Anh*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 222tr.; 21cm.

355.338071 Đ452M/M.176254 - M.176255; MP.0036281; VN.0081562 - VN.0081563

142. Đối ngoại quốc phòng Việt Nam với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc: Sách tham khảo/ *Vũ Văn Khanh*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 247tr.; 21cm.

355.03109597 Đ452N/M.176210 - M.176211; MP.0036243; VN.0081537 - VN.0081538

143. Giáo trình giáo dục học quân sự: Dùng cho đào tạo cán bộ chính trị cấp phân đội, trình độ đại học/ *Nguyễn Thái Bảo chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 219tr.; 27cm.

355.00711 Gi-108T/LCV.0002275 - LCV.0002276; M.175628 - M.175629; MP.0035814 - MP.0035815

144. Giáo trình vệ sinh học quân sự = Military hygiene: Dùng cho đào tạo trình độ đại học/ *Trần Văn Tuấn chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 569tr.; 27cm.

355.3450711 Gi-108T/LCV.0002231; M.175881 - M.175882 - M.175883; MP.0036004 - MP.0036005

145. Kho J258 - Biên niên sự kiện (1968 - 2018)/ Trần Văn Học chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 275tr.; 21cm.

355.009597 Kh400J/MP.0036158 - MP.0036159; VN.0081463 - VN.0081464

146. Kho Xăng dầu quân sự. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 256tr.; 27cm.

355.75 Kh400X/LCV.0002297 - LCV.0002298; MP.0035810 - MP.0035811; VV.0017671 - VV.0017672

147. Kỷ yếu Đại hội Thi đua Quyết thắng toàn quân lần X/ Biên soạn: Lê Xuân Sang,.... - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 412tr.; 21cm.

355.134 K600Y/M.176117 - M.176118; MP.0036190; VN.0081495 - VN.0081496

148. Lịch sử Công ty Cổ phần 32 (1980 - 2020)/ Đỗ Công Huỳnh biên soạn. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 276tr.; 24cm.

**355.009597 L302S/LCV.0002244 - LCV.0002245; MP.0035768 -
MP.0035769; VV.0017663 - VV.0017664**

149. *Lịch sử Cục Bảo vệ an ninh Quân đội nhân dân Việt Nam (2010 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 290tr.; 21cm.

**355.009597 L302S/MP.0036183 - MP.0036184; VN.0081487 -
VN.0081488**

150. *Lịch sử Lực lượng Dân quân tự vệ tỉnh Quảng Bình (1945 - 2015)/ Trương Cao Nguyên biên soạn.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 563tr.; 24cm.

**355.009597 L302S/LCV.0002263 - LCV.0002264; MP.0035817 -
MP.0035818; VV.0017677 - VV.0017678**

151. *Lịch sử lực lượng vũ trang huyện Gò Dầu (1945 - 2015).* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 271tr.; 21cm.

**355.009597 L302S/MP.0036156 - MP.0036157; VN.0081461 -
VN.0081462**

152. *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện Thạch Thất (1945 - 2019).* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 460tr.; 24cm.

**355.009597 L302S/LCV.0002265 - LCV.0002266; MP.0035819 -
MP.0035820; VV.0017679 - VV.0017680**

153. *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện Thanh Trì (1945 - 2020)/ Biên soạn: Vũ Tang Bồng, Đỗ Nhuận, Phạm Thúy Nga.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 303tr.; 21cm.

**355.009597 L302S/MP.0036185 - MP.0036186; VN.0081489 -
VN.0081490**

154. *Lịch sử lực lượng vũ trang Quân khu 5.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020; 21cm.

T.1 : Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975) . - 407tr.

355.009597 L302S/MP.0036179; VN.0081479 - VN.0081480

T.2 : Thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 2015) . - 427tr.

355.009597 L302S/MP.0036180; VN.0081481 - VN.0081482

155. *Lịch sử Trường Quân sự Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội (1979 - 2019).* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 507tr.; 22cm.

**355.00711597 L302S/LC.0015227 - LC.0015228; MP.0035734 -
MP.0035735; VN.0081216 - VN.0081217**

156. *Mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 của Bộ Quốc phòng:* Ban hành kèm theo Quyết định số 5712/QĐ-BQP ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. - H., 2019. - 338tr.; 29cm.

355.609597 M450H/VV.0017707

157. Mô hình toán học quá trình điều khiển vũ khí trên xe chiến đấu: Dùng cho đào tạo kỹ thuật quân sự/ *B.I.Ginzburg, O.G.Ogoshkov, A.D.Ledovsky...*; Ng.dịch: Nguyễn Hải Minh, Lê Minh Thái, Nguyễn Quang Tuấn. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 295tr.; 27cm.
355.56 M450H/MP.0036022 - MP.0036023; VV.0017752 - VV.0017753

158. Năng lực đấu tranh phòng, chống "Diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực tư tưởng chính trị của chính trị viên Quân đội nhân dân Việt Nam: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Đình Nam chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 215tr.; 21cm.
355.3304109597 N116L/M.176202 - M.176203; MP.0036238; VN.0081531 - VN.0081532

159. Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo sĩ quan chỉ huy tham mưu thông tin cấp phân đội theo định hướng phát triển năng lực: Sách chuyên khảo/ Hà Sỹ Chiến chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 186tr.; 21cm.
355.22320711 N122C/M.176204 - M.176205; MP.0036239; VN.0081533 - VN.0081534

160. Nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các chiến dịch, trận đánh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ: Sách tham khảo. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 291tr.; 21cm.
355.4209597 Ngh250T/M.175606 - M.175607; MP.0035790; VN.0081274 - VN.0081275

161. Ngũ luân thư/ Miyamoto Musashi; Bùi Thế Cần dịch. - H.: Thế giới, 2020. - 206tr.; 21cm.
355.420952 Ng500L/M.176168 - M.176169; VN.0081511 - VN.0081512

162. Người lính hát trọn khúc quân hành/ Trần Văn Niên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 298tr.; 21cm.
355.0092 Ng558L/M.176252 - M.176253; MP.0036280; VN.0081560 - VN.0081561

163. Phát huy giá trị văn hóa giữ nước Việt Nam trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo thời kỳ mới của quân đội nhân dân Việt Nam: Sách chuyên khảo/ Phạm Văn Luyện chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 219tr.; 21cm.
355.009597 Ph110H/LC.0015175 - LC.0015176; M.176188 - M.176189; MP.0036228; VN.0081523 - VN.0081524

164. Quản lý tuyển sinh vào các học viện, nhà trường Quân đội trong bối cảnh đổi mới giáo dục: Sách chuyên khảo/ Phùng Thị Phú. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 199tr.; 21cm.
355.00711597 Qu105L/M.175566 - M.175567; MP.0035758; VN.0081242 - VN.0081243

165. Quân đội nhân dân Việt Nam tham gia thực hiện công tác tôn giáo trong tình hình mới/ Nguyễn Văn Bạo chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 259tr.; 21cm.

355.109597 Qu121Đ/M.176082 - M.176083; MP.0036148; VN.0081455 - VN.0081456

166. *Quân đội nhân dân Việt Nam với nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc từ sớm, từ xa*: Sách tham khảo/ *Nguyễn Hồng Quân*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 206tr.; 21cm.

355.009597 Qu121Đ/LC.0015141 - LC.0015142; M.176074 - M.176075; MP.0036143; VN.0081449 - VN.0081450

167. *Sức mạnh niềm tin*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 252tr.; 25cm.

355.009597 S552M/MP.0035718 - MP.0035719; V.0017645 - V.0017646

168. *Tài liệu nâng cao nhận thức, trách nhiệm của quân nhân trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân và tham gia giải quyết một số tình huống phức tạp trong xã hội*/ *Nguyễn Văn Đức chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 79tr.; 19cm.

355.009597 T103L/MP.0036282 - MP.0036283; VN.0081564 - VN.0081565

169. *Thâm lặng và vinh quang*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 398tr.; 21cm.

355.009597 Th120L/MP.0035774 - MP.0035775; VN.0081258 - VN.0081259

170. *Tôn Tử binh pháp và 36 kế*/ *Trần Trường Minh, Phạm Hồng*. - Tái bản. - H.: Hồng Đức, 2019. - 652tr.; 21cm.

355.42 T454T/M.176126 - M.176127; MP.0036193; VN.0081499 - VN.0081500

171. *Vai trò của tác chiến điện tử và tác chiến không gian mạng trong chiến tranh hiện đại*: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Huy Hoàng*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 222tr.; 21cm.

355.42 V103T/M.176200 - M.176201; MP.0036237; VN.0081529 - VN.0081530

172. *Văn hóa quân sự - Phóng sự ảnh về người chiến sĩ hôm nay*: Tuyển chọn một số phóng sự ảnh đăng trên Tạp chí văn hóa quân sự từ năm 2013 đến năm 2019/ *Đậu Xuân Luận chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 144tr.; 28cm.

355.009597 V115H/M.175622 - M.175623; MP.0035803; VV.0017667 - VV.0017668

173. *Viện 69 - Quá trình xây dựng và trưởng thành*: Biên niên sự kiện (1967 - 2019). - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 399tr.; 21cm.

355.009597 V305S/LC.0015238; MP.0035740 - MP.0035741; VN.0081222 - VN.0081223

174. *Xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam về chính trị theo tư tưởng nhân văn quân sự Hồ Chí Minh*: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Văn Nam*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 219tr.; 21cm.

355.009597 X126D/M.176060 - M.176061; MP.0036134; VN.0081439 - VN.0081440

175. *Xưởng X264 - Biên niên sự kiện (1980 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 411tr.; 21cm.

355.009597 X561X/MP.0036154 - MP.0036155; VN.0081459 - VN.0081460

176. *China and international nuclear weapons proliferation: Strategic assistance/ Henrik Stalhane Hiim.* - New York: Routledge, 2019. - 238p.; 24cm.

355.031 Ch311A/AV.0012489

177. *Social movements and civil war: When protests for democratization fail.* - New York: Routledge, 2018. - 195p.; 23cm.

355.02 S419M/AV.0012502

178. *The Russian view of U.S. strategy: Its past, its future/ Jonathan Samuel Lockwood, Kathleen O'Brien Lockwood.* - New York: Routledge, 2017. - 233p.; 23cm.

355.00947 Th200R/AV.0012503

179. *Understanding cyber warfare: Politics, policy and strategy/ Christopher Whyte, Brian Mazanec.* - New York: Routledge, 2019. - 296p.; 25cm.

355.4 U512C/AV.0012497

180. *О войне. Избранное/ Карл Фон Клаузевиц.* - М.: Издательство АСТ, 2019. - 318с.; 24cm.

355.4 O000B/XV.0004117

181. *Русские летучие отряды: От бородина до британских морей/ С.В. Дыбов.* - М.: Ботаник - М, 2018. - 190с.; 21cm.

355.00947 P000y/XN.27114

182. *По ту сторону чеченской войны/ Г.Т. Алехин.* - М.: Вече, 2019. - 267с.; 21cm.. - (Военные мемуары)

355.00947 П000o/XN.27123

183. *Армия и флот в геополитических интересах России.* - М.: Центр гуманитарных инициатив, 2019. - 366с.; 22cm.

355.00947 A000p/XN.27117

184. *Курск - 43. Как готовилась битва "титанов"/ Валерий Замулин.* - М.: Эксмо, 2019. - 926с.; 21cm.

355.00947 K000y/XN.27131

185. *Советская военная разведка 1917 - 1934 гг./ М.А. Алексеев, А.И. Колакиди, В.Я. Кочик.* - М.: Вече, 2019. - 413с.; 22cm.

355.34320947 C000o/XN.27112

186. *Наука побеждать*/ А.В. Суворов. - М.: Издательство АСТ, 2019. - 318с.; 22см.
355.09247 H000a/XN.27119

356 – Lực lượng bộ binh

187. *Các đại đoàn chủ lực Quân đội nhân dân Việt Nam (1949 - 1954)*/ Dương Đình Lập. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 203tr.; 21cm.
356.109597 C101Đ/M.175560 - M.175561; MP.0035755; VN.0081236 - VN.0081237

188. *Kỷ ức Sư đoàn*/ Nguyễn Văn Tạo biên soạn. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 299tr.; 21cm.
356.109597 K600U/M.176078 - M.176079; MP.0036146; VN.0081451 - VN.0081452

189. *Kỷ yếu Tiểu đoàn Bộ binh 500 (1982 - 2019)*/ Lê Hồng Diệp chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 78tr.; 21cm.
356.109597 K600Y/LC.0015177 - LC.0015178; M.176172 - M.176173; MP.0036216; VN.0081515 - VN.0081516

358 – Lực lượng không quân và quân chủng kỹ thuật

190. *Biên niên một số trận đánh của bộ đội Pháo phòng không (1967 - 1968)*/ Lê Hữu Thịnh chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 435tr.; 21cm.
358.4309597 B305N/M.176080 - M.176081; MP.0036147; VN.0081453 - VN.0081454

191. *Lịch sử Trung tâm quốc gia Huấn luyện tìm kiếm cứu nạn đường không (1979 - 2019)*/ Nguyễn Ngọc Hải chủ biên, Phạm Vĩnh Mạnh. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 276tr.; 21cm.
358.009597 L302S/LC.0015236; MP.0035738 - MP.0035739; VN.0081220 - VN.0081221

192. *Самые знаменитые танки мира*/ Анатолий Матвиенко. - М.: Эксмо, 2019. - 247с.; 29см.
358.18 C000a/XV.0004119

193. *Ракеты средней и меньшей дальности: Оружие судного дня*/ А.Б. Широкоград. - М.: Вече, 2019. - 285с.; 21см.
358.175 P000a/XN.27130

359 – Lực lượng trên biển

194. Giáo trình lý thuyết động cơ tua-bin khí: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành máy tàu, kỹ sư chuyên loại tua-bin khí/ *Nguyễn Trung Kiên chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 258tr.; 27cm.

359.93830711 Gi-108T/MP.0036030 - MP.0036031; VV.0017758 - VV.0017759

195. Văn hóa doanh nghiệp Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn trong thời kỳ hội nhập và phát triển/ Ngô Quang Chung chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 163tr.; 25cm.

359.009597 V115H/LCV.0001989 - LCV.0001990; MP.0035732 - MP.0035733; V.0017659 - V.0017660

196. Vùng 2 Hải quân -10 năm xây dựng và trưởng thành (2009 - 2019). - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 129tr.; 23cm.

359.009597 V513H/LCV.0001988; MP.0035720 - MP.0035721; V.0017647 - V.0017648

197. Морская война/ Ф.Х. Коломб. - М.: Вече, 2019. - 428с.; 22см.. - (Hayka побеждать)

359 M000o/XN.27120

198. ВМС Соединенных Штатов Америки. Дизель-электрические подводные лодки/ Апальков, Ю.В.. - СПб: Морское Наследие, 2019. - 375с.; 29cm.

359.00973 B000M/XV.0004118

360 – Vấn đề dịch vụ xã hội; hiệp hội

199. An ninh khu Sài Gòn - Gia Định: Những trang sử hào hùng. - H.: Công an nhân dân, 2019. - 343tr.; 21cm.

363.20959779 A105N/M.175535 - M.175536; MP.0035710 - MP.0035711; VN.0081202 - VN.0081203

200. 70 năm Công an nhân dân Việt Nam - Những sự kiện lịch sử (1945 - 2015). - H.: Công an nhân dân, 2016. - 792tr.; 27cm.

363.209597 B126M/VV.0017709

201. Cẩm nang an toàn, vệ sinh lao động và một số tình huống thường gặp trong các cơ quan, doanh nghiệp/ Nguyễn Việt Đông. - H.: Thông tin và truyền thông, 2020. - 266tr.; 21cm.

363.11 C120N/M.175796 - M.175797; MP.0035943 - MP.0035944

202. Công an nhân dân học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh/ Trần Quang Tám. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 464tr.; 21cm.. - (130 năm kỷ niệm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2020))

**363.209597 C455A/M.175770 - M.175771; MP.0035920 - MP.0035921;
VN.0081366 - VN.0081367**

203. *Hợp tác an ninh phi truyền thống trên biển ở Đông Nam Á và gợi ý chính sách cho Việt Nam/ Võ Xuân Vinh chủ biên.* - H.: Khoa học xã hội, 2019. - 235tr.; 21cm.

**363.2860959 H466T/M.175715 - M.175716; MP.0035881; VN.0081330 -
VN.0081331**

204. *Hướng dẫn các tình huống thoát nạn, thoát hiểm, sơ cứu trong phòng, chống cháy nổ/ Nguyễn Ngọc Quang.* - H.: Thông tin và truyền thông, 2020. - 234tr.; 21cm.

363.377 H561D/M.175788 - M.175789; MP.0035937 - MP.0035938

205. *Khắc phục hậu quả chiến tranh - Chặng đường hòa giải và hợp tác tương lai giữa Việt Nam - Hoa Kỳ.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 75tr.; 28cm.

**363.3498809597 Kh113P/LCV.0002002 - LCV.0002003; MP.0035722 -
MP.0035723; V.0017649 - V.0017650**

206. *Khắc phục hậu quả chiến tranh ở Việt Nam, nỗ lực vì hòa bình và phát triển bền vững.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 91tr.; 28cm.

**363.3498809597 Kh113P/LCV.0002001; MP.0035724 - MP.0035725;
V.0017651 - V.0017652**

207. *Gián điệp mạng - Từ góc nhìn mối đe dọa an ninh toàn cầu: Sách chuyên khảo/ Trần Mạnh Hùng.* - Tái bản lần 1, có sửa chữa, bổ sung. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 208tr.; 21cm.

**364.168 Gi105Đ/M.174972 - M.174973 - M.174974; MP.0035315 -
MP.0035316; VN.0081212 - VN.0081213**

208. *Phòng ngừa các tội xâm phạm an ninh quốc gia ở Việt Nam hiện nay/ Nguyễn Thị Thanh Thùy.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 190tr.; 21cm.

**364.13109597 Ph431N/M.175776 - M.175777; MP.0035926 - MP.0035927;
VN.0081370 - VN.0081371**

209. *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham ô, lãng phí, quan liêu: Nội dung và giá trị: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Ngọc Anh.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 195tr.; 21cm. - (Sách kỷ niệm 90 năm ngày thành lập đảng cộng sản Việt Nam (3.2.1930 - 3.2.2020))

**364.1323 T550T/M.175572 - M.175573; MP.0035761; VN.0081248 -
VN.0081249**

210. *Tri thức tộc người trong ứng phó với biến đổi khí hậu của người Kinh và Khơ-me ở tỉnh Cà Mau/ Nguyễn Công Thảo chủ biên.* - H.: Khoa học xã hội, 2020. - 274tr.; 21cm.

**363.707 Tr300T/M.175743 - M.175744; MP.0035899; VN.0081352 -
VN.0081353**

211. *Russian environmental politics: State, industry and policymaking/ Ellie Martus.* - New York: Routledge, 2018. - 200p.; 24cm.

363.700947 R521E/AV.0012500

370 - Giáo dục

212. *Bàn về giáo dục Việt Nam trước và sau năm 1975/ Trần Văn Chánh.* - H.: Nxb. Hà Nội, 2019. - 386tr.; 24cm.

370.9597 B105V/M.175753 - M.175754; MP.0035905; VV.0017697 - VV.0017698

213. *Lịch sử giáo dục miền Bắc Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975/ Đinh Quang Hải chủ biên.* - H.: Khoa học xã hội, 2020. - 405tr.; 24cm.

370.95973 L302S/M.175723 - M.175724; MP.0035886; VV.0017685 - VV.0017686

214. *Lịch sử giáo dục Việt Nam từ năm 1975 đến năm 2000/ Nguyễn Thị Phương Chi chủ biên.* - H.: Khoa học xã hội, 2020. - 354tr.; 24cm.

370.9597 L302S/M.175721 - M.175722; MP.0035885; VV.0017683 - VV.0017684

390 – Phong tục, nghi thức, văn hóa, dân gian

215. *Hôn nhân của người Lô Lô - Truyền thống và biến đổi: Sách chuyên khảo/ Mông Thị Xoan.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 167tr.; 21cm.

392.5 H454N/LC.0015219 - LC.0015220; M.176190 - M.176191; MP.0036229 - MP.0036230

216. *Văn hóa dân gian châu thổ Cửu Long: Sách tham khảo/ Đoàn Nô.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 311tr.; 21cm.

390.095978 V115H/M.176054 - M.176055; MP.0036128 - MP.0036129

400 - NGÔN NGỮ

217. *Giữ gìn sự trong sáng của tiếng việt trên các phương tiện thông tin đại chúng.* - H.: Thông tin và truyền thông, 2020; 21cm.

T.1. - 597tr.

495.922 Gi-550G/M.175802 - M.175803; MP.0035948; VN.0081392 - VN.0081393

T.2. - 599tr.

495.922 Gi-550G/M.175804 - M.175805; MP.0035949; VN.0081394 - VN.0081395

218. Ngôn ngữ mạng - Biểu thể ngôn ngữ trên mạng tiếng Việt/ Nguyễn Văn Khang. - H.: Đại học quốc gia Hà Nội, 2019. - 367tr.; 21cm.

495.9227

Ng454N/M.175701 - M.175702; MP.0035871 - MP.0035872

500 - KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ TOÁN HỌC

219. Động lực học bay tên lửa: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành thiết kế chế tạo tên lửa/ *Bùi Văn Thường chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 256tr.; 27cm.

533.62

Đ455L/MP.0036028 - MP.0036029; VV.0017756 - VV.0017757

220. Giáo trình động lực học hệ nhiều vật: Dùng cho đào tạo kỹ sư chuyên ngành cơ điện tử/ *Nguyễn Anh Văn chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 275tr.; 27cm.

531.130711

Gi-108T/M.175890 - M.175891 - M.175892; MP.0036010 -

MP.0036011

221. Giáo trình sinh lý bệnh cơ quan: Dùng cho đào tạo trình độ đại học/ *Chủ biên: Nguyễn Linh Toàn, Nguyễn Văn Nguyên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 147tr.; 27cm.

571.90711

Gi-108T/LCV.0002239; M.175884 - M.175885 - M.175886;

MP.0036006 - MP.0036007

600 - CÔNG NGHỆ

610 – Y học

222. Giáo trình sơ tay cấp cứu đầu tiên: Sách hướng dẫn/ *Đỗ Quyết chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 233tr.; 27cm.

616.0250711

Gi-108T/M.175905 - M.175906 - M.175907; MP.0036024 -

MP.0036025

223. Giáo trình y học hàng không: Dùng cho đào tạo trình độ sau đại học/ *Đặng Quốc Bảo chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 305tr.; 27cm.

616.9802130711

Gi-108T/LCV.0002232; M.175896 - M.175897 -

M.175898; MP.0036014 - MP.0036015

224. Học qua ca bệnh lâm sàng nội khoa: Tài liệu tham khảo/ *Đồng chủ biên: Đỗ Quyết, Lê Việt Thắng.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 395tr.; 27cm.

616

H419Q/M.175893 - M.175894 - M.175895; MP.0036012 -

MP.0036013

225. Hướng dẫn giáo dục đồng nhóm phòng chống HIV/AIDS cho chiến sĩ mới trong quân đội/ Nguyễn Xuân Kiên chủ biên. - Tái bản lần 1 có chỉnh lý, bổ sung. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 88tr.; 23cm.

616.9792007

H561D/MP.0035680 - MP.0035681; VV.0017665 -

VV.0017666

226. *Y học cổ truyền trong điều trị một số bệnh nam khoa*/ Đoàn Chí Cường chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 227tr.; 21cm.

616.85068 Y600H/M.175594 - M.175595; MP.0035783; VN.0081264 - VN.0081265

227. *Các nhà thiết kế vũ khí lỗi lạc của Liên Xô*/ Nguyễn Khắc Quang, Lê Khắc Hưng. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 222tr.; 21cm.

623.4092247 C101N/M.176174 - M.176175; MP.0036217; VN.0081517 - VN.0081518

228. *Giáo trình cơ sở lý thuyết thủy âm*: Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự chuyên ngành radar - sonar/ Nguyễn Mạnh Cường chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 299tr.; 27cm.

623.73480711 Gi-108T/MP.0036020 - MP.0036021; VV.0017750 - VV.0017751

229. *Giáo trình kỹ thuật thông tin vệ tinh và ứng dụng*: Dùng cho đào tạo kỹ sư chuyên ngành điện tử - viễn thông/ Phạm Xuân Nghĩa chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 258tr.; 27cm.

621.3820711 Gi-108T/M.175911 - M.175912 - M.175913; MP.0036034 - MP.0036035

230. *Giáo trình phân tích và tổng hợp hệ thống cơ điện tử*: Dùng cho đào tạo kỹ sư chuyên ngành cơ điện tử/ Hoàng Quang Chính chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 276tr.; 27cm.

621.0711 Gi-108T/M.175908 - M.175909 - M.175910; MP.0036032 - MP.0036033

231. *Thiết bị điều khiển nổ từ xa ĐKN 9.5 - Hướng dẫn sử dụng*: Dùng cho huấn luyện lực lượng sử dụng thiết bị điều khiển nổ từ xa ĐKN 9.5/ Phạm Thành Công chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 96tr.; 27cm.

629.8 Th308B/MP.0035812 - MP.0035813; VV.0017673 - VV.0017674

232. *Земинцы второй мировой*: Первый в мире полный справочник/ Александр Дашьян. - М.: Яуза, 2019. - 415с.; 26см.

623.823 3000c/XV.0004116

233. *Стратегический разведчик SR-71 "черная птица"*: Самолеты - невидимки фирмы "локхид"/ Михаил Никольский. - М.: Яуза, 2019. - 174с.; 26см.

623.7462 C000T/XV.0004115

650 – Quản lý và dịch vụ phụ trợ

234. *Chiến lược Đại dương xanh*: Làm thế nào để tạo khoảng trống trị trường và vô hiệu hóa đối thủ cạnh tranh/ W. Chan Kim; Phương Thúy dịch. - Tái bản lần thứ 11, có chỉnh sửa. - H.: Lao động - xã hội, 2020. - 343tr.; 24cm.

658.4 Ch305L/M.176144 - M.176145; VV.0017876 - VV.0017877

235. Phụ nữ hiện đại viết lại luật thành công/ Ivanka Trump; Nguyễn Thị Yến dịch. - H.: Phụ nữ, 2017. - 369tr.; 21cm.

650.1082 Ph500N/M.176170 - M.176171; MP.0036212 - MP.0036213

236. Tôn Tử binh pháp - Tinh tuyển nghệ thuật thương trường/ Phùng Hiếu. - H.: Hồng Đức, 2018. - 477tr.; 21cm.

658.4 T454T/M.176128 - M.176129; MP.0036194; VN.0081501 - VN.0081502

700 - NGHỆ THUẬT VÀ GIẢI TRÍ

237. Beethoven - Âm nhạc và cuộc đời/ Lewis Lockwood; Ng.dịch: Lê Ngọc Anh, Mai Đức Hạnh. - H.: Dân trí, 2020. - 734tr.; 24cm.

780.92 B201A/M.175690; VV.0017681 - VV.0017682

238. Tiền cổ Việt Nam/ Đỗ Văn Ninh. - Tái bản có bổ sung, sửa chữa. - H.: Khoa học xã hội, 2020. - 441tr.; 21cm.

737.49597 T305C/M.175711 - M.175712; MP.0035877 - MP.0035878; VN.0081326 - VN.0081327

800 - VĂN HỌC VÀ TU TỪ HỌC

239. Tại sao anh hùng Ozone cần được chăm sóc, bảo vệ?: Những bức thư đoạt giải cuộc thi viết thư quốc tế UPU lần thứ 48. - H.: Thông tin và truyền thông, 2019. - 204tr.; 21cm.

808.86 T103S/M.175786 - M.175787; MP.0035935 - MP.0035936

810 – Văn học châu Mỹ

240. Bông hoa xanh/ Henry Van Dyke; Nguyễn Ái Linh dịch. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 158tr.; 21cm.

813.52 B455H/M.176240 - M.176241; MP.0036270 - MP.0036271

241. Con trai của mặt trời/ Jack London; Trần Việt Kiên dịch. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 207tr.; 21cm.

813.52 C429T/M.176068 - M.176069; MP.0036139 - MP.0036140

242. Những cuộc phiêu lưu của Tom Sawyer/ Mark Twain; Xuân Oanh dịch. - H.: Văn học, 2019. - 318tr.; 21cm.

813 Nh556C/M.175956 - M.175957; MP.0036070 - MP.0036071

243. Tất cả dòng sông đều chảy/ Nancy Cato; Ng.dịch: Trương Võ Anh Giang, Anh Trần. - H.: Hội nhà văn, 2018. - 591tr.; 21cm.

**823.3 T124C/M.175958 - M.175959; MP.0036072 - MP.0036073;
VN.0081406 - VN.0081407**

244. *Tuyển hỏa xa ngầm*: Tiểu thuyết/ *Goldson Whitehead; Nguyễn Bích Lan dịch.* - H.: Phụ nữ, 2019. - 352tr.; 24cm.

813.6 T527H/M.175839 - M.175840; MP.0035969 - MP.0035970

890 – Văn học ngôn ngữ và họ ngôn ngữ cụ thể

245. *Anh em nhà Karamazov*/ *Fyodor Dostoievsky; Phạm Mạnh Hùng dịch.* - H.: Văn học, 2013. - 829tr.; 24cm

891.733 A107E/M.175954 - M.175955; V 13674 - V 13675

246. *Anna Karenina*/ *Lev Tolstoy; Nhị Ca dịch.* - H.: Hội nhà văn, 2018; 24cm.

T.1 . - 625tr.

891.733 A107K/M.175950 - M.175951; VV.0017790 - VV.0017791

T.2 . - 522tr.

891.733 A107K/M.175952 - M.175953; VV.0017792 - VV.0017793

247. *Bông hồng vàng và bình minh mưa*/ *K. G Paustovsky; Ng.dịch: Kim Ân, Mộng Quỳnh.* - H.: Văn học, 2017. - 647tr.; 24cm.

891.734 B455H/M.175938 - M.175939; VV.0017778 - VV.0017779

248. *Cánh bướm đỏ thắm*/ *A. Grin; Tống Hoàng Ngân dịch.* - H.: Văn học, 2018. - 182tr.; 19cm.

891.73 C107B/M.175964 - M.175965

249. *Chiến tranh và hòa bình*: Tiểu thuyết/ *Lev Tolstoy; Ng.dịch: Cao Xuân Hạo, Như Thành, Hoàng Thiếu Sơn....* - H.: Văn học, 2017; 24cm.

T.1 . - 947tr.

891.733 Ch305T/M.175946 - M.175947; VV.0017786 - VV.0017787

T.2 . - 887tr.

891.733 Ch305T/M.175948 - M.175949; VV.0017788 - VV.0017789

250. *Con gái của những phù thủy*: Truyện thiếu nhi dành cho lứa tuổi 8+/ *Dorota Terakowska; Nguyễn Thanh Thư dịch.* - H.: Phụ nữ, 2019. - 399tr.; 21cm.

891.853 C429G/M.175869 - M.175870; MP.0035992 - MP.0035993

251. *Người mẹ*/ *Maxim Gorky; Phan Thảo dịch.* - H.: Văn học, 2019. - 562tr.; 21cm.

891.733 Ng558M/M.175960 - M.175961; VN.0081408 - VN.0081409

252. *Sông Đông êm đềm*/ *M. A. Sholokhov; Thụy Ứng dịch.* - H.: Văn học, 2020; 24cm.

T.1 . - 695tr.

891.734 S455Đ/M.175944 - M.175945; VV.0017784 - VV.0017785

T.2 . - 795tr.

891.734 S455Đ/M.175942 - M.175943; VV.0017782 - VV.0017783

253. Thép đã tôi thế đấy/ Nicolai A. Ostrovsky; Ng.dịch: Thép Mới, Huy Vân. - Tái bản lần 4. - H.: Văn học, 2018. - 554tr.; 21cm.

891.7342 Th206Đ/VN.0081410

254. Thời thơ ấu/ Maxim Gorky; Hoàng Hà Vũ dịch. - H.: Văn học, 2019. - 350tr.; 21cm.

891.733 Th462T/VN.0081404 - VN.0081405

255. Tội ác và hình phạt/ F. Dostoevski; Ng.dịch: Cao Xuân Hạo, Cao Xuân Phó. - H.: Văn học, 2010. - 526tr.; 24cm.

891.733 T452A/M.175940 - M.175941; VV.0017780 - VV.0017781

256. Truyện ngắn A.SêKhốp/ Phan Hồng Giang dịch. - H.: Hồng Đức, 2013. - 219tr.; 19cm.

891.73 Tr527N/M.175962 - M.175963

895 – Văn học Đông Á và Đông Nam Á

257. Anh chàng trắng hoa: Tập truyện vui/ Đặng Việt Thủy. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 195tr.; 19cm.

895.92234 A107C/M.176268 - M.176269; MP.0036296 - MP.0036297

258. Bãi vắng: Tập truyện ngắn/ Tùng Diễm. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 227tr.; 21cm.

895.92234 B103V/M.176242 - M.176243; MP.0036272 - MP.0036273

259. Bão táp triều Trần: Tiểu thuyết lịch sử/ Hoàng Quốc Hải. - In lần 7. - H.: Phụ nữ, 2018; 24cm.

T.1 : Bão táp cung đình. - 447tr.

895.922334 B108T/M.175835 - M.175836; VV.0017740 - VV.0017741

T.2 : Đuổi quân Mông Thát. - 315tr.

895.922334 B108T/M.175833 - M.175834; VV.0017738 - VV.0017739

T.3: Thăng Long nổi giận. - 483tr.

895.922334 B108T/M.175831 - M.175832; VV.0017736 - VV.0017737

T.4: Huyết chiến Bạch Đằng. - 462tr.

895.922334 B108T/M.175829 - M.175830; VV.0017734 - VV.0017735

T.5: Huyền Trân công chúa. - 279tr.

895.922334 B108T/M.175827 - M.175828; VV.0017732 - VV.0017733

T.6: Vương triều sụp đổ. - 442tr.

895.922334 B108T/M.175825 - M.175826; VV.0017730 - VV.0017731

260. Biển ảm: Tập truyện ngắn/ *Quỳnh Vân*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 207tr.; 19cm.

895.92234 B305Â/M.176270 - M.176271; MP.0036298 - MP.0036299

261. Bình minh ngày mới: Tập truyện ngắn/ *Nguyễn Thị Thoa*. - H.: Hội nhà văn, 2020. - 246tr.; 19cm.

895.92234 B312M/M.175648 - M.175649; MP.0035829 - MP.0035830

262. Bộ đội Trường Sơn huyền thoại. - H.: Thanh niên, 2020. - 295tr.; 21cm.

895.9228403 B450Đ/M.175678 - M.175679; MP.0035856; VN.0081300 - VN.0081301

263. Bổng nghe vắn "Thắng" vút lên cao - Thơ Hồ Chí Minh và những lời bình/ Tuyển chọn: *Nguyễn Thị Kiều Anh, Nguyễn Thị Việt Hằng*,.... - H.: Công an nhân dân, 2020. - tr.; 21cm. - (130 năm kỷ niệm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2020))

895.922132 B455N/M.175762 - M.175763; MP.0035912 - MP.0035913; VN.0081358 - VN.0081359

264. Bụi cay mắt người: Truyện ngắn/ *Nguyễn Văn Học*. - H.: Văn học, 2020. - 170tr.; 21cm.

895.92234 B510C/M.175686 - M.175687; MP.0035861 - MP.0035862

265. Cao Bằng - Nơi cội nguồn cách mạng Việt Nam/ Đoàn Hoài Trung. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 273tr.; 21cm.

895.9228403 C108B/M.175570 - M.175571; MP.0035760; VN.0081246 - VN.0081247

266. Chín bậc thang nhà người: Tản văn/ *Phạm Tú Anh*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 150tr.; 19cm.

895.9228408 Ch311B/M.176272 - M.176273; MP.0036300 - MP.0036301

267. Chúa đất miền Khau Sra: Tiểu thuyết/ *Hoàng Thế Sinh*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 271tr.; 21cm.

895.92234 Ch501Đ/M.176248 - M.176249; MP.0036276 - MP.0036277

268. Chuyện của Lý: Tiểu thuyết/ *Ma Văn Kháng*. - H.: Hội nhà văn, 2013. - 447tr.; 21cm.

895.92234 Ch527C/M.176162 - M.176163; MP.0036208 - MP.0036209

269. Chuyện non thiêng biên ải/ Trần Hữu Tòng. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 219tr.; 21cm.

895.92234 Ch527N/M.176208 - M.176209; MP.0036241 - MP.0036242

- 270. *Chuyện vẫn xảy ra trong chiến tranh*:** Tập truyện và kí/ *Trương Ngọc Hùng*. - H.: Thanh niên, 2020. - 178tr.; 19cm.
895.92234 Ch527V/M.175656 - M.175657; MP.0035837 - MP.0035838
- 271. *Cổ*:** Tập truyện ngắn/ *Ngô Diệu Hằng*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 182tr.; 19cm.
895.92234 C400/M.175590 - M.175591; MP.0035779 - MP.0035780
- 272. *Cuối trời lửa đạn*:** Tập truyện ngắn/ *Phùng Phương Quý*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 155tr.; 19cm.
895.92234 C515T/LC.0015125; M.175618 - M.175619; MP.0035799 - MP.0035800
- 273. *Cuốn gia phả bị thất lạc*:** Tiểu thuyết/ *Hồ Sỹ Hậu*. - H.: Phụ nữ, 2020. - 402tr.; 21cm.
895.92234 C517G/M.175863 - M.175864; MP.0035988 - MP.0035989
- 274. *Danh thơm một vùng đất*:** Bút ký/ *Nguyễn Minh Ngọc*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 206tr.; 21cm.
895.9228403 D107T/M.176198 - M.176199; MP.0036235 - MP.0036236
- 275. *Dọc đường chiến trận*:** Hồi ức/ *Lường Văn Khoa*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 151tr.; 21cm.
895.9228403 D419Đ/LC.0015169 - LC.0015170; M.176101 - M.176102; MP.0036169; VN.0081473 - VN.0081474
- 276. *Dòng sông hoa lửa*:** Tập truyện ngắn/ *Trần Cảnh Yên*. - H.: Dân trí, 2020. - 189tr.; 21cm.
895.92234 D431S/M.175674 - M.175675; MP.0035852 - MP.0035853
- 277. *Dự cảm mùa thu*:** Tiểu luận - Phê Bình/ *Đỗ Ngọc Yên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 227tr.; 21cm.
895.9221009 D550C/M.176176 - M.176177; MP.0036218 - MP.0036219
- 278. *Đất trời vẫn vũ*:** Tiểu thuyết/ *Nguyễn Một*. - H.: Phụ nữ, 2019. - 323tr.; 21cm.
895.92234 Đ124T/M.175867 - M.175868; MP.0035990 - MP.0035991
- 279. *Đi tìm lẽ sống*.** - H.: Thanh niên, 2020. - 215tr.; 21cm.
895.9228408 Đ300T/M.175664 - M.175665; MP.0035843 - MP.0035844
- 280. *Đời bộ đội của tôi*:** Hồi ký/ *Đỗ Văn Trì*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 159tr.; 21cm.
895.9228403 Đ462B/M.176194 - M.176195; MP.0036232; VN.0081527 - VN.0081528
- 281. *Em đứng trên cầu đợi anh*:** Tập bút/ *Tô Kiều Thắm*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 207tr.; 19cm.

895.9228408 E202Đ/M.176256 - M.176257; MP.0036284 - MP.0036285

282. *Gió thổi miền ký ức*: Trường ca/ *Trần Thế Tuyền*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 138tr.; 21cm.

895.92214 Gi-400T/LC.0015213 - LC.0015214; M.176105 - M.176106; MP.0036172 - MP.0036173

283. *Gió thổi từ miền ký ức*: Bút ký/ *Trần Nguyễn Anh*. - H.: Văn học, 2020. - 189tr.; 21cm.

895.9228403 Gi-400T/M.175684 - M.175685; MP.0035859 - MP.0035860

284. *Giọt nước mắt màu đỏ*: Tiểu thuyết/ *An Hương*. - H.: Dân trí, 2020. - 243tr.; 21cm.

895.92234 Gi-435N/M.175670 - M.175671; MP.0035848 - MP.0035849

285. *Giữa mùa hoa Pơ Lang*: Tập truyện ngắn và bút ký/ *Phạm Xuân Trường*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 178tr.; 21cm.

895.92234 Gi-551M/LC.0015171 - LC.0015172; M.176103 - M.176104; MP.0036170 - MP.0036171

286. *Hai chị em*: Tập truyện ngắn/ *Nguyễn Hương Duyên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 195tr.; 19cm.

895.92234 H103C/M.175588 - M.175589; MP.0035777 - MP.0035778

287. *Hát trong bão lửa*: Tiểu thuyết/ *Nguyễn Thanh Hương*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 243tr.; 21cm.

895.92234 H110T/M.176066 - M.176067; MP.0036137 - MP.0036138

288. *Hoa xuyên chi*: Tập truyện ngắn/ *Hồ Bá Thước*. - H.: Thanh niên, 2020. - 250tr.; 19cm.

895.92234 H401X/M.175654 - M.175655; MP.0035835 - MP.0035836

289. *I am đàn bà*/ *Y Ban*. - H.: Phụ nữ, 2019. - 353tr.; 21cm.

895.92234 I-300A/M.175855 - M.175856; MP.0035980 - MP.0035981

290. *Kẻ sĩ thời loạn*: Tiểu thuyết lịch sử/ *Vũ Ngọc Tiến*. - H.: Phụ nữ, 2019. - 319tr.; 24cm.

895.922334 K200S/M.175837 - M.175838; VV.0017742 - VV.0017743

291. *Khai hỏa*: Truyện ký/ *Tô Kường*. - Tái bản có sửa chữa, bổ sung. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 215tr.; 21cm.

895.9228403 Kh103H/M.176091 - M.176092; MP.0036162; VN.0081467 - VN.0081468

292. *Khoảng lặng giữa hai tiếng bom*: Tản văn/ *Yên Mã Sơn*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 179tr.; 19cm.

895.9228408 Kh407L/M.175616 - M.175617; MP.0035797 - MP.0035798

293. *Không thể lãng quên*: Bút ký - Phóng sự/ *Trần Hoàng Tiến*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 211tr.; 21cm. - (Sách kỷ niệm 45 năm ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (30.4.1975 - 30.4.2020))

895.9228403 Kh455T/LC.0015093 - LC.0015094; M.175602 - M.175603; MP.0035788; VN.0081270 - VN.0081271

294. *Không thể nào quên*: Tập truyện ngắn. - H.: Thanh niên, 2020. - 259tr.; 19cm.

895.92234 Kh455T/M.175658 - M.175659; MP.0035839 - MP.0035840

295. *Kim Ji Yoang, Born 1982*: Tiểu thuyết nữ quyền Hàn Quốc/ *Cho Nam Joo*; *Dương Thanh Hoài dịch*. - In lần 2. - H.: Phụ nữ, 2020. - 211tr.; 21cm.

895.735 K310J/M.175873 - M.175874; MP.0035996 - MP.0035997

296. *Kính thừa liên thị*: Thơ/ *Nguyễn Duy*. - H.: Phụ nữ, 2020. - 170tr.; 18cm.

895.73314 K312T/M.175879 - M.175880; MP.0036002 - MP.0036003

297. *Kỷ niệm khó quên*. - H.: Thanh niên, 2020. - 286tr.; 21cm.

895.9228403 K600N/M.175680 - M.175681; MP.0035857; VN.0081302 - VN.0081303

298. *Màu cờ đỏ thắm giữa biển xanh*. - H.: Thanh niên, 2020. - 302tr.; 21cm.

895.9228403 M111C/M.175682 - M.175683; MP.0035858; VN.0081304 - VN.0081305

299. *Màu xanh ký ức*: Tiểu thuyết/ *Thiên Sơn*. - H.: Dân trí, 2020. - 207tr.; 21cm.

895.92234 M111X/M.175676 - M.175677; MP.0035854 - MP.0035855

300. *Một đời nhìn lại*: Hồi ký/ *Nguyễn Văn Phước*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020; 21cm. T.1. - 238tr.

895.9228403 M458Đ/M.176084 - M.176085; MP.0036149; VN.0081457 - VN.0081458

T.2. - 279tr.

895.9228403 M458Đ/M.176178 - M.176179; MP.0036220; VN.0081519 - VN.0081520

301. *Một đời nhìn lại*: Hồi ký/ *Nguyễn Văn Phước*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 563tr.; 21cm.

895.9228403 M458Đ/M.175582 - M.175583; MP.0035772; VN.0081254 - VN.0081255

302. *101 truyện ngày xưa*/ *Tô Hoài*. - H.: Hồng Đức, 2017. - 687tr.; 21cm.

895.922334 M458T/M.176154 - M.176155; MP.0036202

303. Mùa biển lặng: Bút ký/ *Lý Hữu Lương*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 110tr.; 19cm.

895.9228403 M501B/M.176258 - M.176259; MP.0036286 - MP.0036287

304. Mùa lá rụng trong vườn: Tiểu thuyết/ *Ma Văn Kháng*. - H.: Văn học, 2016. - 359tr.; 21cm.

895.92234 M501L/M.176160 - M.176161; MP.0036206 - MP.0036207

305. Nàng dâu xứ Nghệ: Tập truyện ngắn/ *Đậu Hải Nam*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 206tr.; 21cm.

895.92234 N106D/LC.0015167 - LC.0015168; M.176180 - M.176181; MP.0036221 - MP.0036222

306. Năm tháng nhọc nhằn, năm tháng nhớ thương: Hồi ký/ *Ma Văn Kháng*. - H.: Hội nhà văn, 2011. - 567tr.; 21cm.

895.9228403 N114T/M.176156 - M.176157; MP.0036203 - MP.0036204

307. Ngày trở lại: Bút ký/ *Thanh Quế*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 170tr.; 21cm.

895.9228403 Ng112T/M.176056 - M.176057; MP.0036130 - MP.0036131

308. Nghiêng trong bóng chiều/ Ngô Thảo. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 218tr.; 21cm.

895.92209 Ngh306T/LC.0015182 - LC.0015183; M.176058 - M.176059; MP.0036132 - MP.0036133

309. Ngôi nhà ba lá: Truyện và ký/ *Ngân Hằng*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 207tr.; 19cm.

895.92234 Ng452N/M.176266 - M.176267; MP.0036294 - MP.0036295

310. Người bên bóng núi: Tiểu thuyết/ *Trần Tâm*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020; 21cm.
Q.1: Vùng đồi Ba cổ thụ. - 160tr.

895.92234 Ng558B/LC.0015201 - LC.0015202; M.176097 - M.176098; MP.0036166 - MP.0036167

Q.2: Sóng gió miền Đông. - 259tr.

895.92234 Ng558B/M.176095 - M.176096; MP.0036164 - MP.0036165

311. Người con của mẹ Năm Bê: Truyện ký/ *Huỳnh Quang*. - H.: Hội nhà văn, 2019. - 343tr.; 21cm.

895.9228403 Ng558C/M.176130 - M.176131; MP.0036195 - MP.0036196; VN.0081503 - VN.0081504

312. Người con đất Quảng kiên trung: Hồi ký/ *Lê Hải Lý*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 255tr.; 21cm.

**895.9228403 Ng558C/LC.0015186 - LC.0015187; M.176062 - M.176063;
MP.0036135; VN.0081441 - VN.0081442**

313. *Người khách kỳ dị*: Tập truyện ngắn/ *Ma Văn Kháng*. - H.: Phụ nữ, 2019. - 260tr.; 21cm.

895.92234 Ng558K/M.175857 - M.175858; MP.0035982 - MP.0035983

314. *Người Tịnh Khê*: Truyện ký thời bom đạn/ *Mã Thiện Đồng*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 282tr.; 21cm.

895.92283403 Ng558T/M.176246 - M.176247; MP.0036275; VN.0081558 - VN.0081559

315. *Nhìn từ xa... Tổ quốc !*: Thơ/ *Nguyễn Duy*. - H.: Phụ nữ, 2019. - 123tr.; 18cm.

895.92214 Nh311T/M.175875 - M.175876; MP.0035998 - MP.0035999

316. *Nhọc nhằn cứu vạt*: Tiểu thuyết/ *Lương Sĩ Cầm*. - H.: Công an nhân dân, 2019. - 239tr.; 21cm.

895.92234 Nh419N/M.175547 - M.175548; MP.0035714 - MP.0035715

317. *Những đêm trong rừng*: Tập truyện ngắn/ *Hoàng Thị Trúc Ly*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 171tr.; 19cm.

**895.92234 Nh556Đ/LC.0015190 - LC.0015191; M.176086 - M.176087;
MP.0036150 - MP.0036151**

318. *Những trái tim thấp lửa*: Phóng sự - Bút ký/ *Trịnh Văn Dũng*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 239tr.; 21cm.

895.9228403 Nh556T/M.176072 - M.176073; MP.0036142; VN.0081447 - VN.0081448

319. *Những trang văn màu lính*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020; 21cm.

T.1. - 275tr.

**895.9223010804 Nh556T/M.175586 - M.175587; MP.0035776;
VN.0081260 - VN.0081261**

T.2. - 274tr.

**895.9223010804 Nh556T/LC.0015114; M.175604 - M.175605;
MP.0035789; VN.0081272 - VN.0081273**

320. *Những vị tướng và người lính binh nhì*: Thơ/ *Châu La Việt*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 137tr.; 19cm.

895.92214 Nh556V/M.175620 - M.175621; MP.0035801 - MP.0035802

321. *Sài Gòn tình lửa một thời*: Tiểu thuyết/ *Nguyễn Huy Đức*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 426tr.; 21cm.

895.92234 S103G/M.176250 - M.176251; MP.0036278 - MP.0036279

322. 65 năm không quân nhân dân Việt Nam: Hồi ức. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 604tr.; 21cm.

895.9228403 S111M/M.175584 - M.175585; MP.0035773; VN.0081256 - VN.0081257

323. 60 năm văn học đương đại Trung Quốc/ Trình Quang Vỹ chủ biên, Phạm Phồn Hoa, Trần Hiếu Minh; Đỗ Văn Hiếu dịch. - H.: Phụ nữ, 2019. - 343tr.; 24cm.. - (Tủ sách nghiên cứu văn học)

895.109 S111M/M.175841 - M.175842; MP.0035971; VV.0017744 - VV.0017745

324. Sắc màu thương nhớ: Thơ/ Nguyễn Bá Dương. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 208tr.; 19cm.

895.92214 S113M/LC.0015127; M.175614 - M.175615; MP.0035795 - MP.0035796

325. Sông có bao giờ thẳng: Tập văn/ Bùi Tiểu Quyên. - H.: Phụ nữ, 2019. - 143tr.; 21cm.

895.9228408 S455C/M.175861 - M.175862; MP.0035986 - MP.0035987

326. Tản mạn với thời gian: Thơ/ Lê Quang Sinh. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 119tr.; 19cm.

895.92214 T105M/LC.0015109 - LC.0015110; M.175576 - M.175577; MP.0035763 - MP.0035764

327. Tâm tình lính biển nhẩn với chim hải âu/ Lê Mạnh Thường. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 191tr.; 19cm.

895.9228403 T120T/M.175612 - M.175613; MP.0035793 - MP.0035794

328. Tháng ngày đẹp nhất. - H.: Thanh niên, 2020. - 215tr.; 21cm.

895.9228408 Th106N/M.175662 - M.175663; MP.0035841 - MP.0035842

329. The soul-selling guy = Người bán linh hồn/ Trần Thùy Mai. - H.: Phụ nữ, 2019. - 432tr.; 21cm.

895.92234 Th200S/M.175859 - M.175860; MP.0035984 - MP.0035985

330. Theo chân người phòng hộ rừng: Bút ký/ Lê Ngọc Minh. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 182tr.; 21cm.

895.9228403 Th205C/M.176264 - M.176265; MP.0036292 - MP.0036293

331. Thời xa vắng: Tiểu thuyết/ Lê Lưu. - H.: Thanh niên, 2017. - 447tr.; 21cm.

895.92234 Th462X/M.176158 - M.176159; MP.0036205

332. Thư con gửi Trường Sa: Thơ/ Hồng Diệu. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 99tr.; 19cm.

**895.92214 Th550C/LC.0015192 - LC.0015193; M.176260 - M.176261;
MP.0036288 - MP.0036289**

333. *Thượng Kinh ký sự/ Hải Thượng Lãn Ông; Bùi Hạnh Cán dịch.* - H.: Hội nhà văn, 2020. - 250tr.; 21cm.

895.9228103 Th561K/M.176016 - M.176017; VN.0081423 - VN.0081424

334. *Thượng Kinh ký sự/ Lê Hữu Trác; Phan Ngọc dịch.* - H.: Hà Nội, 2020. - 181tr.; 21cm.

**895.9228103 Th561K/M.175691 - M.175692; MP.0035864 - MP.0035865;
VN.0081310 - VN.0081311**

335. *Thương từ khi mô?: Thơ/ Nguyễn Xuân Sang.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 77tr.; 18cm.

895.92214 Th561T/M.175578 - M.175579; MP.0035765 - MP.0035766

336. *Tô tem sói/ Khương Nhung; Trần Đình Hiến dịch.* - Tái bản. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 559tr.; 24cm.

895.1 T450T/M.175515 - M.175516; MP.0035700 - MP.0035701

337. *Trái tim huyền thoại: Tiểu thuyết/ Hữu Phương.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 318tr.; 21cm.

**895.92234 Tr103T/LC.0015165 - LC.0015166; M.176182 - M.176183;
MP.0036223 - MP.0036224**

338. *Trái tim quả đất/ Sơn Tùng.* - H.: Công an nhân dân, 2020. - 343tr.; 21cm.. - (130 năm kỷ niệm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2020))

**895.922334 Tr103T/M.175766 - M.175767; MP.0035916 - MP.0035917;
VN.0081362 - VN.0081363**

339. *Trẩy hội non sông: Ký sự/ Khúc Hồng Thiện.* - H.: Thanh niên, 2020. - 227tr.; 21cm.

895.9228403 Tr126H/M.175668 - M.175669; MP.0035846 - MP.0035847

340. *Trở về: Tập truyện ngắn.* - H.: Thanh niên, 2020. - 271tr.; 19cm.

895.92234 Tr460V/M.175652 - M.175653; MP.0035833 - MP.0035834

341. *Truyện ngắn Việt Nam sau năm 1975 viết về chiến tranh:* Chuyên luận. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 187tr.; 21cm.

**895.92230109034 Tr527N/M.176107 - M.176108; MP.0036174;
VN.0081475 - VN.0081476**

342. *Tu-Run - Người khiển lửa/ Kim Jeong-Ran; Phạm Thị Mai Thương dịch.* - H.: Phụ nữ, 2019. - 216tr.; 21cm.

T.1 : Thuật sĩ luyện kim giảng thế

895.735 T500R/M.175871 - M.175872; MP.0035994 - MP.0035995

343. *Từ Dụ thái hậu*: Tiểu thuyết lịch sử/ *Trần Thùy Mai*. - In lần thứ 2. - H.: Phụ nữ, 2019; 24cm.

Q. Hạ. - 463tr.

895.92234 T550D/M.175843 - M.175844; VV.0017746 - VV.0017747

Q. thượng. - 441tr.

895.92234 T550D/M.175845 - M.175846; VV.0017748 - VV.0017749

344. *Về nghe sóng biển*: Truyện dài/ *Võ Thu Hương*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 151tr.; 19cm.

895.92234 V250N/LC.0015152 - LC.0015153; M.176262 - M.176263; MP.0036290 - MP.0036291

345. *Vợ ơi*: Thơ/ *Nguyễn Duy*. - H.: Phụ nữ, 2020. - 103tr.; 18cm.

895.92214 V460O/M.175877 - M.175878; MP.0036000 - MP.0036001

346. *Vùng phủ sóng*: Tiểu thuyết/ *Đinh Văn Y*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 247tr.; 21cm.

895.92234 V513P/M.176196 - M.176197; MP.0036233 - MP.0036234

900 - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ

347. *Lịch sử Do Thái*/ *Paul Johnson*; *Đặng Việt Vinh* dịch. - H.: Dân trí, 2020. - 890tr.; 24cm.

909.04924 L302S/VV.0017870 - VV.0017871

348. *Nghiên cứu bản đồ các cửa sông, hải cảng Việt Nam thế kỷ XV*/ *Gustave Dumoutier*; *Nguyễn Văn Trường* dịch. - H.: Hà Nội, 2020. - 198tr.; 24cm.. - (Góc nhìn sử Việt)

911.597 Ngh305C/M.176148 - M.176149; VV.0017880 - VV.0017881

910 – Địa lý và du hành

349. *Cẩm nang du lịch - Việt Nam non sông gấm vóc*: Miền Nam/ *Phạm Hương, Võ Văn Thành*. - H.: Hồng Đức, 2019. - 335tr.; 21cm.. - (Cẩm nang du lịch)

915.97 V308N/M.176006 - M.176007; MP.0036096 - MP.0036097; VN.0081417 - VN.0081418

350. *Cẩm nang du lịch - Việt Nam non sông gấm vóc*: Miền Bắc/ *Võ Văn Thành, Phạm Hương*. - H.: Hồng Đức, 2019. - 355tr.; 21cm.. - (Cẩm nang du lịch)

915.97 C120N/M.176010 - M.176011; MP.0036100 - MP.0036101; VN.0081421 - VN.0081422

351. *Cẩm nang du lịch - Việt Nam non sông gấm vóc*: Miền Trung/ *Phạm Hương, Võ Văn Thành*. - H.: Hồng Đức, 2019. - 343tr.; 21cm.. - (Cẩm nang du lịch)

915.97 C120N/M.176008 - M.176009; MP.0036098 - MP.0036099;
VN.0081419 - VN.0081420

950 – Lịch sử châu Á

352. *Chiến thắng Tây Nguyên - Mở đầu cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975*: Kỷ yếu hội thảo khoa học. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 836tr.; 24cm.

959.704332 Ch305T/LCV.0002246; M.176365; VV.0017846 - VV.0017847

353. *Chiến thắng Tua Hai - Mở đầu cao trào Đồng Khởi ở Nam Bộ*: Kỷ yếu hội thảo khoa học. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 626tr.; 24cm.

959.7403 Ch305T/LCV.0002261 - LCV.0002262; M.176364;
VV.0017848 - VV.0017849

354. *Chiến thắng 30-4-1975: Đỉnh cao sức mạnh của chiến tranh nhân dân Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh*: Kỷ yếu hội thảo khoa học. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 859tr.; 24cm.

959.7 Ch305T/M.176088 - M.176089 - M.176090; VV.0017840 -
VV.0017841

355. *Chủ tịch Hồ Chí Minh - Sự nghiệp vĩ đại, cuộc đời quang vinh*: Sách ảnh/ Đỗ Hoàng Linh. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 258tr.; 25cm.. - (130 năm kỷ niệm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2020))

959.704092 Ch500T/M.176359 - M.176360; VV.0017912 - VV.0017913

356. *Chuyện kể Bác Hồ với nhân sĩ, trí thức/ Vũ Thị Kim Yến*. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 223tr.; 21cm.. - (130 năm kỷ niệm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2020))

959.704092 Ch527K/M.175764 - M.175765; MP.0035914 - MP.0035915;
VN.0081360 - VN.0081361

357. *Cuộc chiến không tiếng súng/ Thái Chí Thanh biên soạn*. - H.: Dân trí, 2020. - 187tr.; 21cm.

959.70922 C514C/M.175672 - M.175673; MP.0035850 - MP.0035851

358. *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỷ XIII/ Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm*. - H.: Hồng Đức, 2019. - 315tr.; 24cm.

959.7024 C514K/M.176152 - M.176153; MP.0036201; VV.0017884 -
VV.0017885

359. *Di tích lịch sử văn hóa Tây Nguyên/ Nguyễn Tùng biên soạn*. - H.: Thông tin và truyền thông, 2020. - 250tr.; 21cm.

959.76 D300T/M.175782 - M.175783; MP.0035932; VN.0081378 -
VN.0081379

360. *Đế quốc An Nam và người dân An Nam*: Tổng quan về địa lý, sản vật, kỹ nghệ,

phong tục và tập quán An Nam/ *Jules Silvestre chủ thích; Phan Tín Dụng dịch.* - Đà Nẵng: Nxb. Đà Nẵng, 2020. - 342tr.; 24cm.

959.7 Đ250Q/M.176121; VV.0017854 - VV.0017855

361. *Đô thị cổ Việt Nam.* - H.: Khoa học xã hội, 2020. - 430tr.; 21cm.

**959.7 Đ450T/M.175713 - M.175714; MP.0035879 - MP.0035880;
VN.0081328 - VN.0081329**

362. *Đối thoại Hồ Chí Minh với nhân dân, ngoại giao và báo chí (1918 - 1969):* Chuyên luận/ *Hà Minh Đức.* - H.: Công an nhân dân, 2020. - 255tr.; 21cm.. - (130 năm kỷ niệm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2020))

**959.704092 Đ452T/M.175758 - M.175759; MP.0035908 - MP.0035909;
VN.0081354 - VN.0081355**

363. *Hào kiệt anh tài dưới cờ cách mạng:* Sách kỷ niệm 75 năm Cách mạng tháng Tám/ *Ánh Dương chủ biên.* - H.: Thanh niên, 2020. - 181tr.; 21cm.

**959.70922 H108K/M.175688 - M.175689; MP.0035863; VN.0081306 -
VN.0081307**

364. *Hệ thống phòng thủ miền Trung dưới triều Nguyễn/ Đỗ Bang.* - H.: Khoa học xã hội, 2020. - 254tr.; 21cm.

**959.7029 H250T/M.175729 - M.175730; MP.0035890 - MP.0035891;
VN.0081338 - VN.0081339**

365. *Học giả Đào Duy Anh/ Biên soạn: Lê Xuân Kiều, Kiều Mai Sơn.* - H.: Tri thức, 2020. - 343tr.; 21cm.

**959.704092 H419G/M.176002 - M.176003; MP.0036093; VN.0081415 -
VN.0081416**

366. *Hỏi đáp về lịch sử vùng đất Nam Bộ Việt Nam/ Nguyễn Quang Ngọc chủ biên.* - Tp. Hồ Chí Minh: Đại học quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2019. - 315tr.; 21cm.

959.77 H428Đ/M.176018 - M.176019; MP.0036106 - MP.0036107

367. *Hồ Chí Minh - Sự thống nhất cuộc sống và nghệ thuật/ Nguyễn Thanh Tú.* - H.: Công an nhân dân, 2019. - 319tr.; 21cm.

**959.704092 H450C/M.175533 - M.175534; MP.0035708 - MP.0035709;
VN.0081200 - VN.0081201**

368. *Hồ Chí Minh - Tinh hoa và khí phách của dân tộc/ Phạm Văn Đồng.* - Xuất bản lần 3. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 654tr.; 22cm.

**959.704092 H450C/M.176042 - M.176043; MP.0036116 - MP.0036117;
VN.0081427 - VN.0081428**

369. *Hồ Viết Thắng - Một cuộc đời, một nhân cách.* - H.: Phụ nữ, 2019. - 262tr.; 21cm.

959.704092 H450V/VNM.0000013 - VNM.0000014

- 370. *Hồi ký Lý Quang Diệu/ Lý Quang Diệu*.** - H.: Thế giới, 2020; 24cm.
T.1 : Câu chuyện Singapore. - 742tr.
959.57051092 H452K/M.176140 - M.176141; VV.0017866 - VV.0017867
- T.2 : Từ thế giới thứ ba vươn lên thứ nhất. - 838tr.
959.57051092 H452K/VV.0017868 - VV.0017869
- 371. *Hội thảo khoa học Nguyễn Công Trứ với lịch sử, văn hóa Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX*.** - H.: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020. - 772tr.; 24cm.
959.7029092 H452T/M.175755; VV.0017699 - VV.0017700
- 372. *Huỳnh Dương Long - Người chiến sĩ trung dũng kiên cường*.** - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 196tr.; 21cm.
959.7044109 H531D/M.176099 - M.176100; MP.0036168; VN.0081471 - VN.0081472
- 373. *Kể chuyện lịch sử Hà Nội những ngày tháng Tám*:** Sách kỷ niệm 75 năm Cách mạng tháng Tám/ *Ánh Dương chủ biên*. - H.: Thanh niên, 2020. - 180tr.; 21cm.
959.704 K250C/M.175644 - M.175645; MP.0035827; VN.0081290 - VN.0081291
- 374. *Kinh tế thương nghiệp Việt Nam dưới triều Nguyễn/ Đỗ Bang*.** - Tái bản lần 1. - H.: Khoa học xã hội, 2020. - 159tr.; 20cm.
959.7029 K312T/M.175719 - M.175720; MP.0035883 - MP.0035884; VN.0081334 - VN.0081335
- 375. *Lịch sử chiến tranh du kích ở miền Nam Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)/ Lê Quang Lạng, Nguyễn Huy Thục,....*** - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 179tr.; 21cm.
T.1 : 1954 - 1965
959.7403 L302S/VN.0081483 - VN.0081484
- 376. *Lịch sử đấu tranh cách mạng của quân và dân thị trấn Di Linh (1945 - 2015)*.** - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 157tr.; 21cm.
959.704 L302S/MP.0035736 - MP.0035737; VN.0081218 - VN.0081219
- 377. *Lược sử vùng đất Nam bộ Việt Nam/ Vũ Minh Giang chủ biên*.** - Tp. Hồ Chí Minh: Đại học quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2019. - 139tr.; 21cm.
959.77 L557S/M.176024 - M.176025; MP.0036112; VN.0081425 - VN.0081426
- 378. *Một chiến dịch ở Bắc Kỳ/ Charles-Édouard Hocquard; Thanh Thư dịch*.** - Đà Nẵng: Nxb. Đà Nẵng, 2020. - 605tr.; 24cm.
959.7 M458C/M.176120; VV.0017852 - VV.0017853

379. Một số trận đánh trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)/ Lê Văn Thanh chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020; 21cm. - (Sách kỷ niệm 45 năm Ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (30.4.1975 - 30.4.2020))

T.1: Trận đánh cấp đại đội, tiểu đoàn bộ binh (1954 - 1971) . - 198tr.

959.7043 M458S/LC.0015111; M.175600 - M.175601; MP.0035787; VN.0081268 - VN.0081269

T.2: Trận đánh cấp đại đội, tiểu đoàn bộ binh (1972 - 1975) . - 199tr.

959.7043 M458S/M.175598 - M.175599; MP.0035786; VN.0081266 - VN.0081267

380. Ngô Quyền và nhà Ngô trong lịch sử Việt Nam/ Lê Thái Dũng biên soạn. - H.: Hồng Đức, 2020. - 211tr.; 21cm.

959.7021 Ng450Q/M.175642 - M.175643; MP.0035826; VN.0081288 - VN.0081289

381. Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trên con đường sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam/ Lê Văn Yên. - Tái bản lần 2. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 151tr.; 21cm.

959.704092 Ng527A/M.175525 - M.175526; MP.0035704 - MP.0035705; VN.0081192 - VN.0081193

382. Người Nga viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh. - H.: Thông tin và truyền thông, 2020. - 198tr.; 24cm.

959.704092 Ng558N/M.175819 - M.175820; MP.0035962 - MP.0035963; VV.0017728 - VV.0017729

383. Nhớ nghĩ chiều hôm: Hồi ký/ Đào Duy Anh. - H.: Nxb. Hà Nội, 2020. - 378tr.; 24cm.

959.704092 Nh460N/M.175997 - M.175998; MP.0036092; VV.0017818 - VV.0017819

384. Những câu chuyện còn mãi với thời gian/ Đỗ Hoàng Linh biên soạn. - H.: Công an nhân dân, 2019. - 303tr.; 21cm.

959.704092 Nh556C/M.175549 - M.175550; MP.0035716 - MP.0035717; VN.0081308 - VN.0081309

385. Những ngày ở chiến trường. - H.: Công an nhân dân, 2015. - 703tr.; 24cm.

959.7043 Nh556N/M.175517 - M.175518; V.0017637 - V.0017638

386. Những sự kiện lịch sử cách mạng tỉnh Cà Mau (1930 - 1975)/ Thái Văn Long biên soạn. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 979tr.; 24cm.

959.796 Nh556S/M.175580 - M.175581; MP.0035767; VV.0017661 - VV.0017662

387. Paul Doumer toàn quyền Đông Dương (1897 - 1902): Bàn đạp thuộc địa/ Amaury

Lorin; Nguyễn Văn Trường dịch. - H.: Thế giới, 2020. - 282tr.; 24cm.. - (Góc nhìn sử Việt)

959.703092

P111D/M.176142 - M.176143; VV.0017874 - VV.0017875

388. *Phong trào đấu tranh chính trị ở Sài Gòn - Gia Định (1969 - 1975)/ Lê Quý Thi.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 198tr.; 21cm.. - (Sách kỷ niệm 45 năm ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (30.4.1975 - 30.4.2020))

959.779043

Ph431T/M.175608 - M.175609; MP.0035791; VN.0081276 -

VN.0081277

389. *Phong trào Minh Tân ở Nam Kỳ đầu thế kỷ XX/ Phạm Phúc Vĩnh.* - H.: Hồng Đức, 2020. - 198tr.; 23cm.

959.703

Ph431T/M.175725 - M.175726; MP.0035887; VV.0017687 -

VV.0017688

390. *Thái ấp - Điện trang thời Trần (Thế kỷ XII - XIV): Sách chuyên khảo/ Nguyễn Thị Phương Chi.* - Tái bản lần 1 có sửa chữa, bổ sung. - H.: Khoa học xã hội, 2020. - 367tr.; 21cm.

959.7024

Th103Â/M.175727 - M.175728; MP.0035888 - MP.0035889;

VN.0081336 - VN.0081337

391. *Theo dấu các văn hóa cổ/ Hà Văn Tấn.* - H.: Đại học quốc gia Hà Nội, 2020. - 654tr.; 24cm.

959.7

Th205D/M.176001; VV.0017822 - VV.0017823

392. *Thiên Hộ Dương trong phong trào vũ trang kháng Pháp nửa cuối thế kỷ XIX/ Biên soạn: Nguyễn Thành Thanh, Nguyễn Văn Thiệu.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 69tr.; 21cm.

959.7029092

Th305H/M.175574 - M.175575; MP.0035762; VN.0081250 -

VN.0081251

393. *Tiểu luận về dân Bắc kỳ/ Gustave Dumoutier; Vũ Lưu Xuân dịch.* - H.: Nxb. Hà Nội, 2020. - 434tr.; 24cm.

959.7

T309L/M.175747 - M.175748; MP.0035902; VV.0017691 -

VV.0017692

394. *Tiểu vùng văn hóa Sài Gòn - Gia Định/ Hà Nguyễn.* - H.: Thông tin và truyền thông, 2020. - 251tr.; 21cm.

959.779

T309V/M.175792 - M.175793; MP.0035940; VN.0081384 -

VN.0081385

395. *Tiểu vùng văn hóa xứ Huế/ Hà Nguyễn.* - H.: Thông tin và truyền thông, 2019. - 249tr.; 21cm.

959.749

T309V/M.175790 - M.175791; MP.0035939; VN.0081382 -

VN.0081383

396. *Truyện danh nhân Lê Quý Đôn/ Bùi Hạnh Cẩn.* - H.: Hội nhà văn, 2020. - 265tr.; 21cm.

959.70272092 Tr527D/M.176004 - M.176005; MP.0036094 - MP.0036095

397. *Tư tưởng canh tân đất nước dưới triều Nguyễn/ Đỗ Bang, Trần Bạch Đằng, Đinh Xuân Lâm....* - Tái bản lần 1. - H.: Khoa học xã hội, 2019. - 226tr.; 21cm.

**959.7028 T550T/M.175739 - M.175740; MP.0035896 - MP.0035897;
VN.0081348 - VN.0081349**

398. *Vua Gia Long: Sách tham khảo/ Marcel Gaultier; Đỗ Hữu Thạnh dịch.* - H.: Thế giới, 2020. - 209tr.; 24cm.

**959.7029092 V501G/M.175756 - M.175757; MP.0035906 - MP.0035907;
VV.0017701 - VV.0017702**

399. *Change and continuity in North Korean politics/ Adam Cathcart, Robert Winstanley-Chesters, Christopher Green.* - New York: Routledge, 2017. - 153p.; 24cm.

951.9 Ch106A/AV.0012483

PHẦN II: ĐIỀM SÁCH

1. Đảng Cộng sản Việt Nam 90 năm (1930 - 2020) - Những chặng đường lịch sử về vang/ Vũ Như Khôi chủ biên, Nguyễn Văn Trường, Đặng Kim Anh. - H.: Công an nhân dân, 2020. - 522tr.; 27cm.

324.2597075 Đ106C/M.175511 - M.175512; V.0017633 - V.0017634

Từ khi ra đời vào mùa xuân năm 1930 đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn gắn bó keo sơn với nhân dân, là ngọn cờ tập hợp lực lượng toàn dân tộc phấn đấu vì sự sống còn của của dân tộc, vì phồn vinh của đất nước, vì hạnh phúc của nhân dân. Cùng với sự vận động của lịch sử, trong 91 năm qua (1930 -2021), Đảng Cộng sản Việt Nam đã từng bước dẫn dắt dân tộc Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, làm nên cuộc Cách mạng Tháng Tám vĩ đại, hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc và sự nghiệp hơn 30 năm đổi mới xây dựng và bảo vệ đất nước.

Sách gồm 6 chương:

Chương 1: Trình bày giai đoạn Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945).

Chương 2: Trình bày giai đoạn Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chế độ mới và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945- 1954).

Chương 3: Trình bày giai đoạn Đảng lãnh đạo xây dựng CNXH ở miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam (1954-1975).

Chương 4: Trình bày giai đoạn Đảng lãnh đạo xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN trên phạm vi cả nước (1975-1986).

Chương 5: Trình bày giai đoạn Đảng lãnh đạo cộng cuộc đổi mới, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng (1986 - 1996).

Chương 6: Trình bày giai đoạn Đảng lãnh đạo phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế (1996-2020).

2. Vai trò của tác chiến điện tử và tác chiến không gian mạng trong chiến tranh hiện đại / Nguyễn Huy Hoàng. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 222tr.; 21cm.

355.42 V103T/M.176200 - M.176201; MP.0036237; VN.0081529 -

VN.0081530

Cuối thế kỷ XX – đầu XXI đánh dấu bằng cuộc cách mạng kỹ thuật thông tin. Nó được đặc trưng bởi các yếu tố truy cập trên toàn thế giới vào không gian thông tin toàn cầu và sự phổ biến rộng rãi các phương tiện điện tử xử lý thông tin. Thành tựu của cách mạng kỹ thuật thông tin đã được sử dụng để tạo ra vũ khí có độ chính xác cao, hệ thống thông tin và thiết bị quân sự, nghiên cứu đột phá trong vô tuyến điện tử quân sự. Đó là thành tựu làm cơ sở xây dựng toàn bộ hệ thống vũ khí quân đội hiện đại. Hiện nay, lý thuyết về tác chiến điện tử khá đa dạng và bao gồm một tập hợp các phương pháp cụ thể tập trung vào các đối tượng hủy diệt và bảo vệ khác nhau. Để giúp bạn đọc hiểu thêm về vai trò của tác

chiến điện tử và tác chiến không gian mạng trong chiến tranh hiện đại, cuốn sách “*Vai trò tác chiến điện tử và tác chiến không gian mạng trong chiến tranh hiện đại*” luận giải vai trò của tác chiến điện tử và tác chiến không gian mạng trong chiến tranh hiện đại; Tác chiến điện tử trong một số cuộc chiến tranh gần đây; Các hệ thống vũ khí, phương tiện tác chiến điện tử của quân đội Mỹ và quân đội Nga; Tác chiến không gian mạng, mối quan hệ giữa không gian mạng và phổ điện tử, mối quan hệ giữa tác chiến không gian mạng và tác chiến điện tử.

3. Tài liệu giữ vững trận địa tư tưởng của Đảng trong quân đội, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới/ Nguyễn Văn Đức chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 542tr.; 21cm.

324.2597075 T103L/M.176115 - M.176116; MP.0036189; VN.0081493 - VN.0081494

Tài liệu gồm ba phần với 19 chuyên đề là những bài viết của Thủ trưởng các cơ quan đơn vị và các nhà khoa học ở các học viện, nhà trường trong quân đội; nội dung phản ánh các vấn đề mới về lý luận và thực tiễn trong xã hội, quân đội với những luận cứ sắc bén, phê phán mạnh mẽ các quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

4. Các dân tộc ở Việt Nam/ Vương Xuân Tình chủ biên. - Xuất bản lần 2 có chỉnh sửa bổ sung. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. ; 24cm.

Việt Nam là một quốc gia thống nhất gồm 54 dân tộc anh em cùng sinh sống (trong đó dân tộc Kinh chiếm đa số) và có sự cư trú đan xen trên nhiều địa bàn của Tổ quốc. Anh em các dân tộc Việt Nam có truyền thống đoàn kết, luôn kề vai sát cánh trong quá trình dựng nước và giữ nước.

Vì vậy, việc nhận thức đầy đủ về các đặc điểm trong quan hệ dân tộc có ý nghĩa rất lớn trong hoạch định và thực hiện chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay. Trên cơ sở đó, NXB. Chính trị Quốc gia Sự thật đã xuất bản bộ sách “Các dân tộc ở Việt Nam” của tập thể tác giả Viện Dân tộc học (Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam) do PGS.TS. Vương Xuân Tình chủ biên.

Bộ sách gồm 4 tập 6 quyển trình bày tình hình nghiên cứu đặc điểm của từng dân tộc Việt Nam, từ đó đi sâu phân tích hoạt động kinh tế, đời sống xã hội, đời sống văn hóa và những biến đổi của dân tộc trong bối cảnh mới và hoạch định những chính sách dân tộc phù hợp.

T.1: Nhóm ngôn ngữ Việt - Mường. - 767tr.

305.8009597 C101D/M.176036 - M.176037; VV.0017834 - VV.0017835

T.2: Nhóm ngôn ngữ Tày - Thái Kàđai. - 903tr.

305.8009597 C101D/M.176034 - M.176035; VV.0017832 - VV.0017833

T.3, Q.1: Nhóm ngôn ngữ Môn - Kơ-me. - 690tr.

305.8009597 C101D/M.176032 - M.176033; VV.0017830 - VV.0017831

T.3, Q.2: Nhóm ngôn ngữ Môn - Kơ-me. - 763tr.

305.8009597 C101D/M.176030 - M.176031; VV.0017828 - VV.0017829

T.4, Q.1: Nhóm ngôn ngữ Hmông - Dao và Tạng - Miến. - 907tr.

305.8009597 C101D/M.176028 - M.176029; VV.0017826 - VV.0017827

T.4, Q.2: Nhóm ngôn ngữ Hán và Mã Lai - Đa Đảo. - 963tr.

305.800957 C101D/M.176026 - M.176027; VV.0017824 - VV.0017825

5. Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946 - 1975/ Nguyễn Đức Thắng chủ biên. - H.: Chính trị quốc gia, 2020.; 24cm.

Sau khi đất nước giành được độc lập (8/1945), thực dân Pháp tiếp tục gây hấn và quyết định chiếm nước ta một lần nữa nên đã nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, mở đầu cuộc xâm lược nước ta lần thứ hai. Trong tình thế đó, ngày 15/10/1945, Hội nghị Xứ ủy được triệu tập tại Mỹ Tho để thành lập một Xứ ủy thống nhất với tên gọi là Xứ ủy Nam Bộ. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp từ ngày 25 đến 27/5/1946 đã quyết định cải tổ Đảng bộ Nam Bộ. Ngày 30/5/1946, Ban Xứ ủy lâm thời được thành lập. Ngày 15/12/1947, Hội nghị đại biểu toàn Xứ họp bầu đồng chí Lê Duẩn làm Bí thư Xứ ủy Nam Bộ. Ngày 27/6/1951, Trung ương Cục miền Nam được thành lập để thay thế Xứ ủy Nam Bộ. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 6 (khóa II) họp ngày 15/7/1954 đã quyết định giải thể Trung ương cục miền Nam và thành lập Xứ ủy Nam Bộ. Từ ngày 28/12/1960 đến ngày 6/1/1961, Ban Chấp hành Trung ương họp quyết định thành lập lại Trung ương Cục miền Nam. Sau chiến thắng mùa Xuân năm 1975, Trung ương Cục đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình và Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 24 (khóa III) đã quyết định giải thể Trung ương Cục miền Nam.

Năm 2021, kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Trung ương Cục miền Nam. Thư viện Quân đội, trân trọng giới thiệu tới bạn đọc bộ sách “*Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1945 – 1975*” của Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật. Bộ sách được bắt đầu xuất bản từ năm 2018 và đến năm 2020 bộ sách được hoàn thành với 18 tập.

Bộ sách tập hợp các văn kiện của Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam ban hành từ năm 1946 đến năm 1975 có nội dung phản ánh hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo đối với cách mạng miền Nam trên tất cả các lĩnh vực: Chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xây dựng Đảng, đối ngoại..., cùng với các báo cáo và xin ý kiến Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tất cả các lĩnh vực trên.

Bộ sách còn giới thiệu các bài phát biểu quan trọng của các đồng chí lãnh đạo Đảng được phân công phụ trách Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam qua các thời kỳ trong các dịp sinh hoạt chính trị quan trọng của Đảng, của đất nước tại Trung ương Cục miền Nam.

Ngoài các văn kiện và bài phát biểu trên, một số tài liệu có giá trị lịch sử của Ủy ban Hành chính kháng chiến Nam Bộ, Khu ủy, Liên Khu ủy, tỉnh ủy và các tổ chức khác gửi

cho Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam; bài phát biểu, bài viết của các đồng chí lãnh đạo Trung ương Cục tại các hội nghị Xứ ủy, Trung ương Cục được chọn lọc và công bố trong phần phụ lục của các tập.

THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI - 83 LÝ NAM ĐẾ - HÀ NỘI

Điện thoại: 069.554546

● GIỜ MỞ CỬA:

- **Sáng:** 7h30 – 11h30
- **Chiều:** 13h00 – 16h30
- **Nghỉ:** Chủ nhật, ngày lễ

● PHỤC VỤ:

- Đọc, mượn, sao chụp, quét tài liệu, trả lời yêu cầu bạn đọc.
- Biên soạn và phát hành các ấn phẩm: *Thư mục thông báo tài liệu mới, Thư mục chuyên đề, Tài liệu phục vụ nghiên cứu, Thư mục giới thiệu sách cấp phát trong quân đội.*
- Cung cấp sách cho các đơn vị trong toàn quân.

● ĐỐI TƯỢNG:

- **Đọc:** Rộng rãi.
- **Mượn:** Cán bộ quân đội công tác tại Hà Nội.
Cán bộ cấp tá nghỉ hưu tại Hà Nội.